



CHỦ ĐỀ 6: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng.
- Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn.
- Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương nơi em sống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- **Năng lực riêng:**
 - + Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn.
 - + Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.
 - + Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Yêu cầu HS đọc trước SGK và viết vào vở những nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2.
- Phiếu các từ chỉ các hành vi ứng xử phù hợp nơi công cộng.
- Tranh ảnh nơi công cộng để chiếu trên silde hoặc tranh ảnh dán lên bảng.
- Nhạc bài hát *Điều đó tùy thuộc hành động của bạn* sáng tác của nhạc sĩ Vũ Kim Dung.
- Giấy A4 và bảng dính 2 mặt.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- Theo dõi mức độ thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng trong 1 tuần (theo bảng ở hoạt động 2, trang 109).
- Thẻ màu (xanh, đỏ, vàng).
- Ảnh, tranh vẽ cảnh đẹp quê hương.
- Sản phẩm tuyên truyền vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng: thơ, văn, hò, vè, tranh tuyên truyền,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS hứng thú với chủ đề, hiểu được ý nghĩa của việc xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện và chỉ rõ được những việc làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV tổ chức cho cả lớp cùng chơi trò chơi **Đoán từ**.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho cả lớp cùng chơi trò chơi **Đoán từ**.

Cách chơi: GV mời 1 HS lên làm người diễn. GV đưa cho người diễn đọc 1 từ ngữ, quy định ứng xử phù hợp nơi công cộng. HS này phải thể hiện được nội dung của từ ngữ đó bằng hành động, động tác. Cả lớp (chia 2 đội chơi) xem và đoán từ ngữ dựa vào hành động của người diễn. Đội nào đoán nhanh được tính điểm. Chơi khoảng 5 lượt, tính tổng điểm, đội nào có nhiều điểm thì chiến thắng.

Gợi ý các từ ngữ, quy định: im lặng, nhường chỗ, bỏ rác đúng nơi quy định, xếp hàng, nói đủ nghe,...

- HS tham gia trò chơi. GV tổng kết.

- *GV dẫn dắt vào bài:* Nơi công cộng là không gian chung của mọi người. Đó là con đường trước cửa nhà, rạp chiếu phim, là nhà hát, viện bảo tàng, trung tâm mua sắm, bến xe, nơi tổ chức lễ hội,... Để tất cả mọi người cảm thấy thoải mái, dễ chịu khi cùng hoạt động trong không gian chung, chúng ta cần phải thực hiện những quy tắc ứng xử nơi công cộng, góp phần xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện. Để biết được ý nghĩa cũng như cách ứng xử văn minh trong cộng đồng, chúng ta cùng tìm hiểu **chủ đề 6: Xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu ý nghĩa của nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được các nơi công cộng mình tham gia và ý nghĩa của nơi công cộng đó.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng
- Tìm hiểu đặc trưng của không gian công cộng
- Chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i>. Cách chơi như sau: chọn 2 đội chơi xếp thành 2 hàng. Lần lượt từng HS trong từng đội lên bảng viết tên một nơi công cộng mà mình biết, sau đó nhanh chóng đưa phân cho bạn kế tiếp trong đội. Trong thời gian 3 phút, đội nào viết được đúng và nhiều hơn tên các nơi công cộng đội đó sẽ chiến thắng, - GV khảo sát nhanh về các nơi công cộng HS thường tham gia, nơi công cộng HS ít tham gia bằng cách nêu một số nơi công cộng của địa phương và cho HS giơ tay. 	<p>I. Ý nghĩa của nơi công cộng</p> <p>1. Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nơi công cộng được hiểu là nơi phục vụ chung cho nhiều người và nó không chỉ giới hạn ở ngoài trời như quảng trường, đường đi, nhà ga, bến tàu, bãi biển, công viên,... mà còn là nơi phục vụ ăn uống, giải khát, vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử....

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. * <i>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc trưng của không gian công cộng</i></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm khác nhau, thảo luận và đưa ra đặc trưng của các nơi công cộng ở địa phương HS thường tham.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV tổ chức cho đại diện các nhóm chia sẻ nhanh về đặc trưng của các nơi công cộng. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV tổng kết về các điểm đặc trưng của nơi công cộng. + HS ghi bài. * <i>Nhiệm vụ 3: Chia sẻ về ý nghĩa của nơi công cộng</i></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp đôi về ý nghĩa của nơi công cộng. - GV hỏi nhanh một số bạn trong lớp về ý nghĩa của nơi công cộng.</p>	<p>2. Tìm hiểu đặc trưng của không gian công cộng - Nơi công cộng là nơi phục vụ chung cho nhiều người, là nơi diễn ra các hoạt động chung của xã hội,...</p> <p>3. Chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng - Ý nghĩa của nơi công cộng: + Mọi người dễ đi lại + Mọi người được giao lưu, trao đổi, buôn bán + Mọi người có thể giải trí, trao đổi, gặp gỡ nói chuyện với nhau,...</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV kết luận nội dung hoạt động và chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng, khuyến khích HS thực hiện những hành vi văn minh nơi công cộng. + HS ghi bài.</p>	
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng

a. Mục tiêu: HS khám phá và rút ra những quy tắc ứng xử cơ bản nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng
- Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																																														
<p>Nhiệm vụ 1: Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận, cùng xem lại bảng <i>Theo dõi mức độ thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng</i> và đưa ra kết luận.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #c8e6c9;"> <th rowspan="2" style="text-align: center;">Quy tắc ứng xử nơi công cộng</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Thường xuyên</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Thỉnh thoảng</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Hiếm khi</th> </tr> <tr style="background-color: #c8e6c9;"> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giữ vệ sinh nơi công cộng.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giữ gìn trật tự xã hội.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Quy tắc khác:</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table>	Quy tắc ứng xử nơi công cộng	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		BT	NXQ	BT	NXQ	BT	NXQ	Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.							Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.							Giữ vệ sinh nơi công cộng.							Giữ gìn trật tự xã hội.							Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.							Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.							Quy tắc khác:							<p>II. Quy tắc ứng xử nơi công cộng</p> <p>1. Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng - Thực hiện nếp sống văn hóa, quy tắc, quy định nơi công cộng. Giúp đỡ người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật khi lên xuống tàu, xe, qua đường. - Giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh nơi công cộng. Kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật, trật tự nơi công cộng - Không có hành vi trái với quy định nơi công cộng,...</p>
Quy tắc ứng xử nơi công cộng		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi																																																									
	BT	NXQ	BT	NXQ	BT	NXQ																																																									
Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.																																																															
Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.																																																															
Giữ vệ sinh nơi công cộng.																																																															
Giữ gìn trật tự xã hội.																																																															
Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.																																																															
Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.																																																															
Quy tắc khác:																																																															

- GV khảo sát mức độ thực hiện các hành vi ứng xử nơi công cộng của HS bằng cách đọc từng quy tắc, HS giơ thẻ trả lời: *thường xuyên giơ thẻ xanh, thỉnh thoảng giơ thẻ vàng và hiếm khi giơ thẻ đỏ.*

- Phỏng vấn nhanh HS: *Vì sao có những việc em thường xuyên thực hiện và ngược lại?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

+ GV tổng kết số liệu của cả lớp và đưa ra nhận xét về những việc HS thường xuyên thực hiện được và hiếm khi thực hiện được.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. GV trao đổi với lớp về quy tắc ứng xử nơi công cộng, khuyến khích HS thực hiện các việc làm thể hiện các hành vi ứng xử văn minh ở nơi công cộng.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 2: Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi *Ném bóng*. Luật chơi như sau: Quả bóng rơi đến tay ai, người đó sẽ kể về 1 hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng mà mình từng chứng kiến. Người sau cần kể hành vi không trùng lặp với người trước.

- GV hỏi: *Cảm nhận của em khi thấy những hành vi ứng xử thiếu văn hoá nơi công cộng? Điều gì xảy ra khi mọi người đều ứng xử văn minh ở nơi công cộng? Chúng ta nên làm gì để ứng xử văn minh nơi công cộng?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực

2. Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng

- Những hành vi ứng xử đúng nơi công cộng:

+ Cười nói đủ nghe nơi đông người

+ Xếp hàng theo thứ tự nơi công cộng

+ Giữ gìn và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên nơi công cộng,...

+ Báo cơ quan quản lý, tổ chức có thẩm quyền khi thấy những người vi phạm quy định nơi công cộng,...

+ Giúp đỡ những người gặp khó khăn nơi công cộng.

- Những hành vi ứng xử không đúng nơi công cộng :

+ Cười nói quá to nơi đông người

+ Chen lấn, xô đẩy nhau nơi công cộng

+ Vứt rác bừa bãi nơi công cộng như công viên, bảo tàng, siêu thị,...

<p>hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Thực hiện nói, cười đủ nghe nơi công cộng

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS được rèn luyện kỹ năng nói, cười đủ nghe nơi công cộng với các hoàn cảnh và không gian khác nhau để điều chỉnh âm lượng cho phù hợp.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi “ Cùng cười”
- Thực hành nói, cười đủ nghe nơi công cộng
- Thực hành một số biện pháp kiểm soát âm lượng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Cùng cười**

- GV phổ biến luật chơi: Khi quản trò hô “Nào cùng cười: cười mỉm, cười hi hi, cười ha ha, cười hô hô,...” chúng ta phải làm theo. Cười mỉm là cười không phát ra tiếng, cười hi hi là tiếng cười hi hi âm lượng nhỏ, cười ha ha là tiếng cười ha ha âm lượng hơi to; cười hô hô là tiếng cười hô hô âm lượng to. Nếu ai làm ngược hay phát âm lượng không phù hợp sẽ là phạm quy.

- GV mời một vài HS chơi để làm mẫu rồi tổ chức cho HS cả lớp cùng chơi, sau đó rút ra bài học từ trò chơi là: Chúng ta cần kiểm soát âm lượng phù hợp.

- HS tham gia trò chơi

- Gv kết luận cách cười, nói đủ nghe khi ở nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành nói, cười đủ nghe nơi công cộng**

- GV yêu cầu HS xem lại nhiệm vụ 3 SBT, đọc và chia sẻ trong nhóm 4 HS về các tình huống nói, cười nơi công cộng. GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV cho HS thảo luận nhóm về cách nói, cười đủ nghe trong các tình huống sau:

- Tình huống 1: Nếu khoảng cách nói chuyện giữa hai người hơi xa nhau.
- Tình huống 2. Câu chuyện buồn cười quá, rất dễ phá lên cười to.
- Tình huống 3. Ở một số nơi công cộng đặc thù (như rạp chiếu phim, rạp hát, trên xe buýt, viện bảo tàng, đền, chùa, nhà thờ,...).
- Tình huống 4. Nhận được điện thoại khi ngồi với nhóm bạn.

- HS thảo luận và giải quyết tình huống

Tình huống 1:

- Tiến lại gần bạn hơn để nói.
- Tránh hét lên hoặc nói quá to.

Tình huống 2:

- Cười mỉm hoặc cười khúc khích.
- Lấy tay che miệng.

Tình huống 3:

- Nói thì thầm đủ nghe.
- Hạn chế trao đổi, trò chuyện.

Tình huống 4:

- Nên đi ra chỗ khác để trò chuyện.
- Nói chuyện với âm lượng vừa phải.

Nhiệm vụ 3: Thực hành kiểm soát âm lượng

- GV hướng dẫn và làm mẫu: lắng nghe giọng nói và âm lượng của mình để điều chỉnh cho phù hợp.

- GV chia HS thành các cặp đôi thực hành theo các tình huống sau: một người kể, một người nghe và góp ý cho bạn, sau đó đổi vai. Người nghe chú ý xem bạn mình có tự lắng nghe mình và điều chỉnh âm lượng khi nói, cười theo 3 lượt dưới đây:



Hoạt động 2: Xếp hàng trật tự nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS hiểu được ý nghĩa của nơi xếp

b. Nội dung:

- Thực hành xếp hàng theo trật tự
- Xử lý tình huống
- Chia sẻ về thái độ của em khi chứng kiến hành vi không xếp hàng nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Nhiệm vụ 1: Thực hành xếp hàng trật tự**

- GV tổ chức trò chơi Kết bạn. Cách chơi như sau: Khi quản trò hô “Kết bạn! Kết bạn!” các em sẽ hỏi “Kết mấy? Kết mấy?”, quản trò hô “Kết 5! Kết 5!” thì 5 bạn sẽ kết lại thành một hàng ngang hoặc hàng dọc, không được tranh giành, chen hàng của bạn đứng trước mình. Bạn nào vi phạm chen hàng hoặc xô đẩy, bạn đó sẽ bị phạm quy.

- GV tổ chức cho HS chơi nhiều lần với số lượng kết ít nhiều khác nhau để HS rèn thói quen xếp hàng.

- GV hỏi - đáp nhanh về cảm nhận của HS sau khi chơi, sau đó nhận xét, tổng kết và dặn dò HS về ý thức nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Xử lý tình huống**

- GV đưa ra tình huống: N. thấy mọi người chen lấn, xô đẩy khi mua hàng và N. cũng muốn mua món hàng đó. Lúc đó N. nên làm gì?

- GV chia lớp thành nhóm 6 HS, yêu cầu thảo luận, sắm vai trình diễn cách xử lý của nhóm mình.

- GV mời một số nhóm trình diễn trước lớp và giải thích về cách ứng xử.

- GV nhận xét, hướng dẫn HS cách xử lý phù hợp đảm bảo văn hoá xếp hàng nơi công cộng: Đứng vào hàng, không chen lấn, xô đẩy; giữ khoảng cách với người đứng trước và đứng sau.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ về thái độ của em khi chứng kiến hành vi không xếp hàng nơi công cộng**

- GV chia lớp thành các nhóm từ 5 - 6 HS, tổ chức cho HS chia sẻ về:

- Những hành vi chen lấn xô đẩy ở nơi công cộng.

- Thái độ của em khi chứng kiến.

- Mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 3: Lựa chọn trang phục phù hợp nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS thấy được vai trò của trang phục cá nhân và sự phù hợp của trang phục với các nơi công cộng khác nhau. Từ đó HS hình thành thói quen, ý thức lựa chọn trang phục phù hợp với nơi công cộng mà mình tham gia.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi: Lựa chọn trang phục đi âu lịch vòng quanh thế giới

- Chia sẻ cách lựa chọn trang phục khi đến nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Lựa chọn trang phục đi âu lịch vòng quanh thế giới**

- GV chia lớp thành 4 đội và tổ chức cho HS chơi như sau: GV lần lượt chiếu hình ảnh các địa điểm du lịch. HS quan sát và vẽ phác thảo trang phục mà đội mình chọn mặc để đi đến nơi đó. Đội nào phác thảo trang phục nhanh, phù hợp đội đó sẽ được tính điểm. Chơi 3 - 5 lần, đội nào được nhiều điểm nhất thì chiến thắng.

- GV hỏi đáp nhanh: Em hãy nêu ý nghĩa của trò chơi. Tại sao cần lựa chọn trang phục phù hợp nơi mình đến?

- GV tổng kết và hướng dẫn HS các lưu ý khi lựa chọn trang phục đến nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ cách lựa chọn trang phục khi đến nơi công cộng**

- GV chia lớp thành các nhóm từ 3 - 5 HS, yêu cầu từng HS lần lượt chia sẻ trong nhóm về bộ trang phục mình sẽ/ đã chọn để đi đến các địa điểm ở ý 1, nhiệm vụ 5, trang 52 SGK.

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV hỏi nhanh: Em đã chọn bộ trang phục nào khi đến thăm lăng Bác/ Đền Hùng/...? Vì sao em chọn trang phục đó?

- GV tổng kết hoạt động và đề nghị HS luôn chú ý lựa chọn trang phục phù hợp địa điểm, thời tiết và hoàn cảnh trước khi ra khỏi nhà.

*** Nhiệm vụ 3: Xử lý tình huống**

- GV chia 6 nhóm, yêu cầu HS thảo luận và sắm vai để xử lý các tình huống sau:

- Nhóm 1,2 đọc và xử lý tình huống 1: Cả gia đình chuẩn bị đi chùa vào đầu năm mới, mẹ nhắc hai chị em mặc áo dài, nhưng chị gái em không thích mặc và chọn mặc áo, váy ngắn. Em sẽ nói gì với chị trong tình huống này?

- Nhóm 3,4 đọc và xử lý tình huống 2: Em và các bạn rủ nhau đến khu vui chơi. Khi đến nhà bạn H. mọi người đang chờ trước cổng thì H. xuống và mặc nguyên bộ đồ ngủ để đi. Các em sẽ nói gì với bạn trong tình huống này?

- Nhóm 5,6 đọc và xử lý tình huống 3: Cả lớp em tổ chức đi tham quan ở viện bảo tàng. Bạn T. mặc quần đùi, áo ba lỗ để đi cùng với lớp. Các em sẽ nói gì với bạn T.?

- HS giải quyết các tình huống nêu trên.

- GV nhận xét, tổng kết và nhắc nhở HS thói quen lựa chọn và chỉnh đốn trang phục trước khi ra khỏi nhà.

Hoạt động 4: Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên

a. Mục tiêu: thực hiện những việc làm cụ thể để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và hình thành ý thức, thói quen giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường công cộng.

b. Nội dung:

- Tổ chức cho cả lớp cùng hát bài hát về bảo vệ môi trường

- Chia sẻ các hành vi bảo vệ cảnh quan môi trường của quê hương

- Thực hành một số việc làm giữ gìn vệ sinh môi trường

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức cho cả lớp cùng hát bài hát về bảo vệ môi trường**

- GV tổ chức cho HS nghe và cùng hát bài hát “Điều đó tùy thuộc hành động của bạn” sáng tác của nhạc sĩ Vũ Kim Dung.

- GV mời HS nói về nội dung và ý nghĩa của bài hát.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ các hành vi bảo vệ cảnh quan môi trường của quê hương**

- GV chia lớp thành 6 nhóm. Yêu cầu các nhóm giới thiệu về các cảnh quan thiên nhiên của địa phương bằng tranh, ảnh đã chuẩn bị và chia sẻ những việc mình đã làm để giữ gìn môi trường, cảnh quan thiên nhiên đó của địa phương.

- GV mời một số HS trình bày trước lớp.

- GV cùng cả lớp nhận xét về những việc làm của HS, động viên, khích lệ những việc làm của HS.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành một số việc làm giữ gìn vệ sinh môi trường**

- GV cho HS cùng lau dọn, vệ sinh lớp học. GV phân công cụ thể cho từng tổ:

+ Tổ 1: Lau bàn ghế dãy bên trái

+ Tổ 2: Lau bàn ghế dãy bên phải

+ Tổ 3: Quét lớp, lau bảng

+ Tổ 4: lau chùi cửa sổ.

- HS các tổ tham gia dọn vệ sinh.

Hoạt động 5: Giúp đỡ và chia sẻ với mọi người

a. Mục tiêu: phân biệt được các tình huống nào nên giúp đỡ và chia sẻ với mọi người nơi công cộng; cảm nhận được ý nghĩa của những hành vi giúp đỡ, chia sẻ của mình với mọi người.

b. Nội dung:

- Kể những việc mình đã giúp đỡ và chia sẻ với mọi người ở nơi công cộng

- Thực hành nhường nhịn, chia sẻ và giúp đỡ

- Chia sẻ cảm xúc khi chia sẻ và giúp đỡ người khác.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Kể những việc mình đã giúp đỡ và chia sẻ với mọi người ở nơi công cộng**

- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu lần lượt từng HS chia sẻ trong nhóm những việc mình đã làm để giúp đỡ, chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn nơi công cộng.

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV trao đổi nhanh: *Đối tượng mà các bạn trong tranh giúp đỡ là ai? Tình huống cần giúp đỡ là gì?*

- GV nhận xét, tổng kết về những đối tượng cần giúp đỡ là trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật, phụ nữ mang thai hay những người gặp sự cố ở nơi công cộng.

- Giúp người già qua đường
- Nhường ghế cho người khuyết tật hoặc phụ nữ mang thai trên xe bus
- Hỗ trợ người gặp sự cố trên đường

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành nhường nhịn, giúp đỡ và chia sẻ**

- GV tổ chức cho HS thực hành bằng cách sắm vai ứng xử trong các tình huống dưới đây:

- Tình huống 1: Khi em gặp người tàn tật qua đường.
- Tình huống 2: Khi em gặp bà mẹ mang thai đang xách nhiều đồ,
- Tình huống 3: Khi em ngồi trên xe buýt và thấy cụ già lên xe buýt.
- Tình huống 4: Khi em thấy bạn bị ngã xe.
- Tình huống 5: Khi em thấy người bán hàng rong bị rơi hàng hoá trên đường.

- GV nhận xét, động viên HS giúp đỡ mọi người gặp khó khăn nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ cảm xúc**

- GV chia lớp thành các nhóm từ 4 - 6 HS, tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm về cảm xúc của mình khi giúp đỡ người khác và phán đoán cảm xúc của những người được giúp đỡ.

- GV mời một số HS chia sẻ trước cả lớp.

- GV nhận xét và tổng kết: *Khi được giúp đỡ người khác, họ thấy cảm thấy vui vẻ, biết ơn và bản thân mình cũng có cảm xúc vui vẻ, tự hào khi giúp đỡ người khác.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động 1: Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh

a. Mục tiêu: thể hiện cách ứng xử hành vi thiếu văn minh nơi công cộng. Từ đó, giúp HS vận dụng để nhắc nhở bản thân và mọi người xung quanh về việc ứng xử văn minh nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Tranh biện về hành vi thiếu văn minh nơi công cộng
- Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tranh biện về hành vi thiếu văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành 2 đội tranh biện về quan điểm: Những hành vi thiếu văn minh nơi công cộng không thể chấp nhận được trong ruột xã hội hiện đại,
- GV mời 3 HS: 1 HS chủ tọa, 1 HS uỷ viên và 1 HS thư kí để điều hành phiên tranh biện.
- GV cùng ban chủ tọa điều hành tranh biện.
- GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến thuyết phục và hướng dẫn các em lên tiếng, thể hiện thái độ trước những hành vi thiếu văn minh nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành cặp đôi để rèn luyện thói quen lên tiếng trong các tình huống sau:
 - Tình huống 1: Bạn em chen ngang khi xếp hàng mua vé tham quan.
 - Tình huống 2: Khi đi xe buýt, anh trai em không nhường chỗ cho phụ nữ mang thai.
 - Tình huống 3: Bạn hàng xóm vứt rác bừa bãi ở công viên.
 - Tình huống 4: Đôi bạn bên cạnh em nói chuyện rất to trong rạp chiếu phim.
- GV mời một số nhóm sắm vai diễn lại các tình huống.
- GV nhận xét, tổng kết về thái độ và cách lên tiếng của HS.

Hoạt động 2: Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng của mình đã học được trong chủ đề để làm sản phẩm và sử dụng sản phẩm tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè của mình ứng xử văn minh nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền
- Tuyên truyền, vận động người thân ứng xử văn minh nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền**

- GV chia lớp thành các nhóm phù hợp với không gian để trưng bày và giới thiệu sản phẩm của HS. GV yêu cầu HS sử dụng cả nội dung của nhiệm vụ 8 khi giới thiệu sản phẩm,
- GV tổ chức cho HS giới thiệu sản phẩm theo nhóm, lần lượt từng thành viên trong nhóm giới thiệu sản phẩm của mình,
- GV mời một số HS trong các nhóm giới thiệu sản phẩm trước lớp.

*** Nhiệm vụ 2: Tuyên truyền, vận động người thân ứng xử văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, lần lượt từng HS trong nhóm tuyên truyền, vận động mọi người trong nhóm thực hiện các hành vi ứng xử nơi công cộng.
- GV đưa ra một vài tiêu chí khi tuyên truyền để đạt hiệu quả:
 - Ngôn ngữ nói: mạch lạc, rõ ràng,...
 - Ngôn ngữ cơ thể: sống động, linh hoạt,...
 - Tính thuyết phục và lan toả đến mọi người: mức độ tốt, khá, trung bình, yếu.
- GV mời một số HS ở các nhóm tuyên truyền, vận động trước cả lớp.
- GV nhận xét, tổng kết và khuyến khích HS tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện hành vi văn minh nơi công cộng.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS biết được hướng hoàn thiện và rèn luyện thêm.

b. Nội dung:

- Chia sẻ với bạn về những điều bạn đã làm được và cần cố gắng trong chủ đề này
- Chia sẻ trước lớp

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Chia sẻ với bạn về những điều bạn đã làm được và cần cố gắng trong chủ đề này**

- GV tổ chức cho HS đứng thành các vòng tròn theo tổ. Mỗi bạn dán một tờ giấy A4 lên lưng và cầm một cây bút. HS di chuyển viết lên tờ giấy trên lưng bạn về 2 điểm bạn đã làm được trong chủ đề này và 1 điểm bạn cần cố gắng.
- GV yêu cầu HS đọc tờ giấy bạn viết cho mình và chia sẻ theo nhóm về những điều mà các bạn đã viết.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ trước lớp**

- GV mời một số HS chia sẻ về những điều bạn nhận xét về mình, những điều mình đã làm được, chưa làm được và cảm nhận của bản thân.
- GV tôn trọng ý kiến và đánh giá của HS, nhận xét và khuyến khích HS nhìn nhận những điểm tích cực và tiến bộ ở bạn của mình.

Hoạt động 2: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá về bản thân mình và nhận được sự đánh giá của GV. Từ đó, mỗi HS đều biết được hướng rèn luyện của mình tiếp theo.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề
- Tổng kết khảo sát số liệu

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề.

- GV yêu cầu HS thực hiện ý 2, nhiệm vụ 10, trang 55 SGK. Sau khi xác định mức cho từng nội dung đánh giá thì chấm điểm như sau: *thường xuyên thực hiện được 3 điểm; thỉnh thoảng thực hiện được 2 điểm và chưa thực hiện được 1 điểm.*

TT	Nội dung đánh giá
1	Em tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng mà em đến.
2	Em thực hiện các quy tắc ứng xử văn minh nơi công cộng.
3	Em giữ gìn và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.
4	Em giúp đỡ và chia sẻ với những người gặp hoàn cảnh khó khăn ở nơi công cộng.
5	Em nhắc nhở người khác khi họ có những hành vi thiếu văn minh ở nơi công cộng.
6	Em tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân thực hiện ứng xử văn minh, thân thiện nơi công cộng.

- GV yêu cầu HS tính điểm tổng của mình và đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được (điểm càng cao thì sự tuân thủ quy định ứng xử nơi công cộng của em càng tốt).

- GV mời một số HS chia sẻ kết quả của mình trước lớp.

- GV đánh giá dựa trên số liệu tổng hợp được từ điểm của HS, khích lệ những việc HS đã làm được, động viên các em luôn ghi nhớ thực hiện ứng xử văn minh nơi công cộng.

V. HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kỹ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm: những kỹ năng nào các em cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện hành vi văn minh nơi công cộng tiếp theo.
- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 7, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 7 để HS thực hiện.
- GV rà soát, xem lại những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của chủ đề tiếp theo và nhắc nhở HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

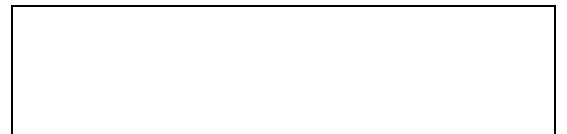
CHỦ ĐỀ 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Kể tên được một số nghề truyền thống ở Việt Nam; nêu được hoạt động, yêu cầu cơ bản của các nghề đó; chỉ ra được công cụ chính và sự an toàn khi sử dụng các công cụ lao động của nghề truyền thống.
- Nhận ra một số đặc điểm của bản thân phù hợp với công việc của nghề truyền thống.



- Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ gìn nghề truyền thống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

+ Giới thiệu được các nghề/ nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế - xã hội của các nghề đó.

+ Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm.

+ Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.

+ Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động

+ Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Yêu cầu HS đọc trước SGK và viết vào vở những nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2.

- Tranh ảnh để HS quan sát và tham gia các trò chơi, phiếu học tập.

- Giới thiệu yêu cầu về sản phẩm và tiêu chí đánh giá sản phẩm mà HS phải hoàn thành vào tuần 3, 4 của chủ đề để thể hiện những hiểu biết về địa danh các làng nghề và hoạt động đặc trưng tạo ra sản phẩm, tuyên truyền giữ gìn và phát huy nghề truyền thống (giúp HS chuẩn bị tâm thế và dần có ý tưởng về sản phẩm).

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập

- Thực hiện nhiệm vụ GV giao trước khi đến lớp.

- Các nguyên vật liệu, dụng cụ để làm nghề truyền thống mà mình yêu thích, lựa chọn.

- Suu tầm tranh ảnh về hoạt động đặc trưng của nghề truyền thống (nhiệm vụ 2).

- Bản tuyên truyền, giới thiệu về nghề truyền thống (nhiệm vụ 6).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS có hứng thú với chủ đề, hiểu được sự cần thiết của chủ đề và chỉ rõ được những việc cần làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV giới thiệu làng nghề truyền thống của Việt Nam.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu các làng nghề truyền thống của Việt Nam thông qua một số bài ca dao và tục ngữ.

Chợ Chì bán xảo bán sàng

Bắc Ninh bán những nhẫn vàng trao tay

Đình Bảng bán ấm bán khay

Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông.

- GV đặt câu hỏi: Qua câu ca dao trên em hãy kể tên các làng nghề được nhắc đến trong bài ca dao?

- HS trả lời. GV kết luận:

- Chợ Chì bán xảo, sàng
- Bắc Ninh bán nhẫn vàng
- Đình Bảng bán ẩm, khay
- Phù Lưu họp chợ

- GV dẫn dắt vào chủ đề: Với sự đa dạng của đặc điểm địa hình, điều kiện tự nhiên, đất nước Việt Nam ta có nhiều làng nghề truyền thống, sản phẩm phong phú, đa dạng. Việc bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống đóng vai trò quan trọng để phát triển kinh tế xã hội, gìn giữ và phát huy văn hoá truyền thống. Vậy để hiểu được ý nghĩa của nghề truyền thống và những việc cần làm để giữ gìn và phát triển nghề truyền thống, chúng ta tìm hiểu chủ đề 7: **Tìm hiểu nghề truyền thống ở Việt Nam.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Kể tên nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu

a. Mục tiêu: giúp HS nhận diện được một số nghề truyền thống tiêu biểu 3 miền Bắc, Trung, Nam, về: tên nghề, vị trí địa lí, sản phẩm tiêu biểu.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”
- Chia sẻ về sản phẩm và những giá trị của làng nghề truyền thống

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																												
<p>* Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”. GV phổ biến cách chơi: + GV phát cho 2 đội chơi 1 phiếu nội dung theo mẫu sau:</p> <table border="1" data-bbox="183 1409 852 1801"> <thead> <tr> <th colspan="4">Nhóm:.....</th> </tr> <tr> <th>STT</th> <th>Nghề truyền thống</th> <th>Tên địa danh</th> <th>Sản phẩm tiêu biểu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>3</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>4</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>5</td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table> <p>+ GV chiếu hình ảnh có liên quan đến các làng nghề truyền thống. Các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu trong thời gian 2 phút, đội nào ghi được nhanh và nhiều thì đội đó chiến thắng.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	Nhóm:.....				STT	Nghề truyền thống	Tên địa danh	Sản phẩm tiêu biểu	1				2				3				4				5				<p>I. Kể tên nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề làm tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ ở Thuận thành, Bắc Ninh với sản phẩm : tranh nghệ thuật dân gian. - Nghề nặn tò he ở Phú Xuyên, Hà Nội với sản phẩm : tò he - Nghề làm nón làng Chuông ở Thanh Oai, Hà Nội với sản phẩm : nón lá. - Nghề dệt thổ cẩm ở Mai Châu, Hòa Bình với sản phẩm : quần áo, khăn, mũ thổ cẩm,... - Nghề trồng chè tại Tân Cương, Thái Nguyên với sản phẩm chè khô. - Nghề làm gốm Thanh Hà ở Hội An với sản phẩm đồ gia dụng và nghệ thuật bằng gốm. - Nghề mây tre đan ở Khoái
Nhóm:.....																													
STT	Nghề truyền thống	Tên địa danh	Sản phẩm tiêu biểu																										
1																													
2																													
3																													
4																													
5																													

<p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về sản phẩm và những giá trị của nghề truyền thống</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về những giá trị mà nghề truyền thống mang lại theo hướng dẫn:</p> <p>+ Chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 nghề truyền thống để thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhóm 1: Nghề chế tác đá mỹ nghệ. • Nhóm 2: Nghề làm mắm. • Nhóm 3: Nghề làm nón. • Nhóm 4: Nghề trồng hoa. <p>+ Kể tên các sản phẩm của nghề truyền thống đó.</p> <p>+ Nêu những giá trị về: kinh tế, văn hoá - xã hội,... của nghề truyền thống đó.</p> <p>- GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và trình bày kết quả trên giấy A3 dưới dạng sơ đồ hoặc sử dụng tranh ảnh,...</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>Châu, Hưng Yên với sản phẩm đồ gia dụng và sản phẩm mây tre đan</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.	
------------------------------------------------------------	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết được một số hoạt động đặc trưng của một số nghề, công cụ lao động phù hợp với nghề đó và lưu ý an toàn khi làm về truyền thống.

b. Nội dung:

- Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống
- Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa và đọc thông tin về hoạt động của một số nghề truyền thống được giới thiệu trong nhiệm vụ 2, trang 60 SGK, xác định đúng các hoạt động đặc trưng của từng nghề được giới thiệu. - GV yêu cầu HS mô tả các hoạt động của nghề làm gốm, dệt vải. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. <p>* Nhiệm vụ 2: Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trưng bày các hình ảnh hoạt động đặc trưng của 5 - 6 nghề truyền thống mà các em đã sưu tầm, Ví dụ: nghề lụa, sơn mài, gốm, dệt chiếu, trồng và chế biến chè, đóng phe xuồng,... để tham gia triển lãm. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống</p> <p>1. Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề làm gốm: quy trình tạo ra sản phẩm gốm gồm: làm đất => tạo hình sản phẩm gốm => trang trí hoa văn => tráng men => nung đốt sản phẩm. - Nghề dệt vải: quy trình tạo ra sản phẩm thổ cẩm truyền thống gồm: bắt bông tơ => kéo thành sợi dài => xe bông thành chỉ => ngâm màu => phơi khô => dệt thành tấm vải. <p>2. Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam</p> <p>Trưng bày các sản phẩm, với tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày: phong phú, tự nhiên, sáng tạo (theo nhóm nghề, có thể theo vùng miền). + Nội dung: mô tả đúng hoạt động đặc trưng phù hợp với

+ HS trao đổi trong nhóm, tô vẽ cách thức trình bày các tranh ảnh và nội dung phù hợp với từng bức tranh.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung
- GV tổng kết và nhận xét phần trình bày của các nhóm theo các tiêu chí:

+ Hình thức trình bày: phong phú, tự nhiên, sáng tạo (theo nhóm nghề, có thể theo vùng miền).

+ Nội dung: mô tả đúng hoạt động đặc trưng phù hợp với nghề truyền thống.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV khen ngợi nhóm trình bày tốt và khích lệ nhóm trình bày chưa tốt.

+ HS ghi bài.

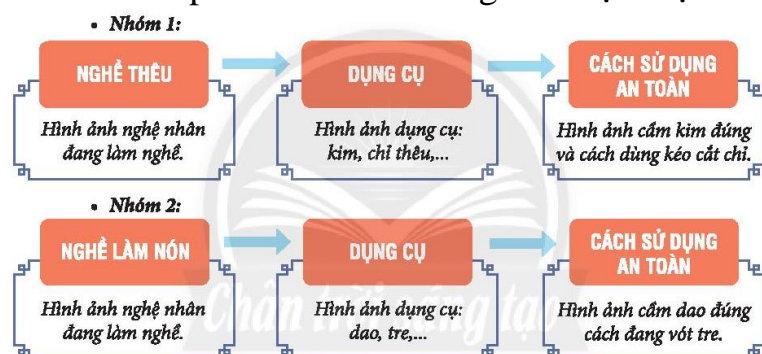
* **Nhiệm vụ 3: kể tên một số dụng cụ lao động truyền thống và chia sẻ cách sử dụng an toàn**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi *ghép đôi*, một bên là tranh các làng nghề gắn với hoạt động đặc trưng, một bên là dụng cụ lao động.

VD: tranh về nghề thêu – ghép với công cụ kim thêu,...

- GV chia lớp thành 2 nhóm và giao nhiệm vụ:



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

nghề truyền thống.

3. Kể tên một số dụng cụ lao động truyền thống và chia sẻ cách sử dụng an toàn

VD:

- Nghề đúc đồng cần dụng cụ: kẹp, gắp, khuôn đúc,...

- Nghề mộc cần dụng cụ: bào, đục,...

- Nghề thêu cần dụng cụ: kim thêu,...

- Sử dụng an toàn dụng cụ lao động:

+ Sử dụng dụng cụ phù hợp với vật liệu và thao tác

+ Cần phải có đồ bảo hộ lao động phù hợp

+ Không hướng phần sắc nhọn vào mình, vào người khác

+ Khi làm cần tuyệt và cẩn thận.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.	
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Phỏng vấn nghệ nhân

a. Mục tiêu: giúp HS biết cách xây dựng kế hoạch để tìm hiểu, giao lưu với những nghệ nhân làm nghề truyền thống và được trải nghiệm thực tế, rèn kỹ năng thuyết trình, phỏng vấn.

b. Nội dung:

- Thực hành phỏng vấn nghệ nhân hoặc người làm nghề
- Thảo luận

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Thực hành phỏng vấn**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ nội dung phỏng vấn theo nhóm với hình thức sắm vai diễn buổi phỏng vấn nghệ nhân dựa vào kết quả phỏng vấn thực tế (vai nghệ nhân, vai người phỏng vấn,...), theo các bước sau:

- Chào hỏi vui vẻ, tạo thiện cảm
- Trình bày lí do gặp và phỏng vấn nghệ nhân
- Đặt câu hỏi theo mục đích phỏng vấn, ghi chép lại
- Làm rõ một số điều chưa rõ
- Nói lời cảm ơn, chào tạm biệt

- GV có thể mời một nhóm đại diện thực hiện trước lớp làm chất liệu phân tích.

- Mỗi nhóm thực hành phỏng vấn trong khoảng 5 phút. GV có thể cho HS các nhóm đổi vai người phỏng vấn và nghệ nhân (tùy theo thời gian của tiết học).

- GV quan sát các nhóm thực hành và trình diễn.

*** Nhiệm vụ 2: Thảo luận**

- GV tổ chức thảo luận theo 3 nội dung ở ý 1, nhiệm vụ 3, trang 61 SGK:

- Tình cảm của nghệ nhân đối với nghề.
- Yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với nghề.
- Những việc làm HS cần rèn luyện để tiếp nối cha ông giữ gìn nghề truyền thống.

- Những việc làm HS cần rèn luyện để tiếp nối cha ông giữ gìn nghề truyền thống.

- GV tổng kết và nhận xét .

Hoạt động 2: Rèn luyện những phẩm chất, năng lực của người làm nghề truyền thống

a. Mục tiêu: xác định những phẩm chất, năng lực phù hợp với nghề truyền thống và tự rèn luyện bản thân để phù hợp với nghề truyền thống cũng như tuân thủ quy định về an toàn lao động khi làm nghề.

b. Nội dung:

- Xác định và phẩm chất yêu cầu của người làm nghề truyền thống

- Xác định và rèn luyện những phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề truyền thống mà em yêu thích.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Xác định và phẩm chất yêu cầu của người làm nghề truyền thống**

- GV yêu cầu HS đọc ý 1 trong nhiệm vụ 4, trang 61 SGK và chia sẻ quan điểm của em về những phẩm chất, năng lực của người làm nghề truyền thống.

Nghề truyền thống cũng như bất kì nghề nào khác đều cần những phẩm chất, năng lực sau:



- GV tổ chức cho HS trao đổi thảo luận theo nhóm (4 HS) trong khoảng thời gian 5 phút, chia sẻ ý kiến của nhóm đối với quan điểm của bạn K., giải thích vì sao những phẩm chất, năng lực bạn K. đưa ra lại cần thiết với người làm nghề truyền thống nói riêng và người lao động nói chung.

- Đại diện lần lượt các nhóm lên trình bày.

- GV tổng kết và nhận xét.

*** Nhiệm vụ 2: Xác định và rèn luyện những phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề truyền thống mà em yêu thích.**

- GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị nhiệm vụ 4 của mình trong SBT về phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với nghề truyền thống.

- GV khảo sát HS kết quả lựa chọn, chọn những nội dung lặp lại nhiều nhất trong lớp làm chất liệu tổ chức hoạt động rèn luyện.

- HS đưa ra kết quả lựa chọn

- GV tổ chức hoạt động rèn luyện sự cẩn thận, tỉ mỉ trong thao tác, tuân thủ kỉ luật để giữ an toàn trong làm việc và tinh thần trách nhiệm với nhóm.

- GV giao nhiệm vụ cho 6 nhóm thực hiện công việc: bất cứ con gì mà HS thích với các tiêu chí sau: gấp cẩn thận, sắc nét; có trang trí màu sắc cho con vật; số lượng con vật gấp được; đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.



- GV yêu cầu các nhóm để sản phẩm trên bàn sao cho đẹp mắt nhất.
- GV đặt câu hỏi HS cả lớp:
 - + Công việc được phân công trong nhóm có hợp lí không? Mọi người có tuân thủ phân công của nhóm không? Các bạn có hợp tác tốt không?
 - + Sản phẩm của nhóm có đẹp và sắc nét không? Bao nhiêu con vật đã được gấp?
- GV tổ chức cho HS tham quan sản phẩm của các nhóm và bình chọn sản phẩm của nhóm nào mình thích nhất.
- Tiếp theo, GV yêu cầu HS tìm câu trả lời cho 2 câu hỏi:
 - Qua hoạt động nhóm gấp hạc giấy, việc tuân thủ kỉ luật lao động để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc được thể hiện như thế nào?
 - Để có được kết quả cuối cùng của nhóm, mỗi cá nhân đã thể hiện mình như thế nào? Các em đã rèn luyện được những phẩm chất và năng lực gì thông qua hoạt động này?
- HS trả lời câu hỏi:
 - + Tuân thủ những quy định về thời gian, không vội vàng, vì vội vàng rất dễ vi phạm an toàn lao động.
 - + Sắp xếp ngăn nắp, trật tự đồ dùng, dụng cụ tại chỗ làm việc.
 - + Tuân thủ việc sử dụng công cụ an toàn (miết giấy không khéo léo và cẩn thận cũng sẽ gây đứt tay).
- GV nhận xét về kết quả và tổng kết:
 - Kỹ năng cần có của người làm nghề truyền thống: khéo léo, cẩn thận, sáng tạo, lắng nghe, hợp tác,...
 - Phẩm chất cần có của người làm nghề truyền thống: kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm, kỉ luật,...

Hoạt động 3: Thực hiện trách nhiệm giữ gìn các nghề truyền thống

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được những việc làm phù hợp để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn, phát huy nghề truyền thống của dân tộc.

b. Nội dung:

- Xác định các việc làm để giữ gìn được nghề truyền thống
- Xác định ý nghĩa của các việc làm để giữ gìn nghề truyền thống
- Thực hiện trách nhiệm giữ gìn nghề truyền thống.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Xác định các việc làm để giữ gìn được nghề truyền thống**

- GV tổ chức cho HS làm việc theo kĩ thuật công não, đặt câu hỏi, định hướng cho HS: *Những việc cần làm để giữ gìn nghề truyền thống mà em đã biết?*

- HS trả lời, ý kiến của HS trả lời sau phải khác với ý kiến của các bạn đã trả lời trước đó.

- GV tổng kết và nhận xét:

+ Nghề truyền thống là một trong những giá trị văn hoá tốt đẹp cần được gìn giữ, phát huy. Đó là giá trị tinh thần của dân tộc, của những “nghệ nhân”.

+ Mọi người đều có thể thực hiện một số việc làm góp phần giữ gìn, phát triển nghề truyền thống và văn hoá truyền thống của dân tộc.

*** Nhiệm vụ 2: Xác định ý nghĩa của các việc làm để giữ gìn nghề truyền thống**

- GV tổ chức trò chơi *Nếu... thì...* HS chia thành 2 nhóm: nhóm *Nếu* và nhóm *Thì*,

+ Mỗi HS nhóm *Nếu* được phát 1 tờ giấy nhỏ ghi một trong các câu sau đây (nội dung cột bên trái ý 1, nhiệm vụ 5, trang 51 SBT):

- Trang bị thêm cơ sở vật chất, máy móc hiện đại khi làm nghề truyền thống.
- Cập nhật yếu tố hiện đại, quy trình chuẩn trong đào tạo nguồn nhân lực tham gia lao động các nghề truyền thống.
- Quảng bá du lịch gắn với các làng nghề.
- Giới thiệu sản phẩm truyền thống ra nhiều nước trên thế giới.
- Khuyến khích cộng đồng trong nước sử dụng sản phẩm nghề truyền thống.
- Hướng nghiệp cho HS phổ thông về nghề truyền thống.

+ Mỗi HS nhóm *Thì* được phát 1 tờ giấy nhỏ ghi một trong các câu sau đây (nội dung cột bên phải ý 1, nhiệm vụ 5, trang 51 SBT):

- Định hướng nghề nghiệp cho HS, đồng thời góp phần phân luồng HS cũng như phát triển nghề truyền thống.
- Giúp hồi sinh cho các làng nghề truyền thống, tạo ra những thay đổi, thích ứng phù hợp nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.
- Đảm bảo thu nhập, tương lai cho người lao động và làng nghề.
- Tạo cơ hội cho các làng nghề sản xuất đồ thủ công, mỹ nghệ, đồ dùng trang trí, gia dụng đáp ứng nhu cầu của xã hội, trang trí, làm đẹp.
- Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của xã hội cho các làng nghề.

- Khi chơi, mỗi HS nhóm *Nếu* đọc 1 câu mình được phát, HS nhóm *Thì* phải nhanh chóng suy nghĩ xem câu "Thì" của mình có ghép được với bạn không, nếu được thì nhanh chóng chạy về phía "Nếu" để tạo thành 1 cặp. Cả 2 đọc lại câu hoàn chỉnh.

- HS tham gia trò chơi. GV tổng kết đội thắng thua và trao phần thưởng.

- GV nhận xét và tổng kết:

- Mỗi HS lựa chọn các hình thức phù hợp với bản thân để thực hiện trách nhiệm giữ gìn nghề truyền thống.

- Tuyên truyền, quảng bá nghề truyền thống là một trong những hình thức phù hợp nhất đối với HS lớp 6 trong công tác giữ gìn nghề truyền thống.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hiện trách nhiệm giữ gìn nghề truyền thống.**

- GV chia lớp thành 3 nhóm lớn và giao nhiệm vụ thực hiện trách nhiệm giữ gìn nghề truyền thống phù hợp.

- Nhóm 1: Thực hiện giới thiệu nghề truyền thống qua mạng xã hội (tuyên truyền qua các kênh: báo, facebook, zalo,....).

- Nhóm 2: Thiết kế mẫu tờ rơi quảng bá nghề truyền thống.

- Nhóm 3: Tổ chức buổi tư vấn nghề truyền thống.

- GV cho HS thời gian thảo luận và lập kế hoạch thực hiện công việc của nhóm để trình bày trước lớp.

- GV quan sát các nhóm làm việc, giúp HS hoàn chỉnh kế hoạch.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày ý tưởng của nhóm mình.

- GV tổng kết: trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ và phát huy nghề truyền thống của mỗi người trong xã hội. Mọi người cùng chung tay thực hiện để những giá trị văn hoá tốt đẹp ngày càng phát triển.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (sáng tạo sản phẩm)

a. Mục tiêu: giúp HS được trải nghiệm làm 1 sản phẩm của nghề truyền thống, từ đó hiểu và trân trọng giá trị của nghề truyền thống. Sử dụng sản phẩm để giới thiệu tới mọi người về nghề truyền thống.

b. Nội dung: các bước làm một sản phẩm của nghề truyền thống.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Triển lãm quạt giấy**

- GV yêu cầu HS để quạt giấy lên trên bàn và tổ chức cho cả lớp đi xem quạt giấy của các bạn.

- GV yêu cầu HS lựa chọn 3 chiếc quạt giấy mà mình thích nhất.

- GV mời một số HS nói về cảm xúc của HS sau khi hoàn thành chiếc quạt giấy. Lên ý tưởng lựa chọn sản phẩm của làng nghề truyền thống

- GV giới thiệu một số làng nghề tại địa phương hoặc gần nơi ở của HS.

- HS lựa chọn sản phẩm để tham gia trải nghiệm trực tiếp.

*** Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nguyên vật liệu, dụng cụ phù hợp với sản phẩm làng nghề truyền thống**

- Nguyên vật liệu cần đảm bảo yêu cầu về chất lượng và số lượng.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hiện làm sản phẩm truyền thống đã lựa chọn.**

- Tạo sản phẩm truyền thống nên được hướng dẫn (theo mẫu làm quạt giấy trong SGK) và thực hiện tại nhà trước khi đến lớp để có nhiều thời gian cho việc rèn luyện kỹ năng giới thiệu sản phẩm, kỹ năng tuyên truyền, giữ gìn nghề truyền thống.

Ví dụ: GV có thể giới thiệu thêm cho HS cách thực hiện làm sản phẩm tò he.

- Bước 1: Trộn và nhào bột
- Bước 2: Hấp bột
- Bước 3: Nhào bột
- Bước 4: Nhuộm bột
- Bước 5: Nặn tò he

*** Nhiệm vụ 5: Giới thiệu sản phẩm**

- GV tổ chức cho các nhóm HS tham gia hội chợ Sản phẩm nghề truyền thống.
- GV tổ chức cho HS tham quan, giới thiệu về các sản phẩm nghề truyền thống.
- HS có thể trao đổi sản phẩm, tặng hoặc mua sản phẩm mà mình yêu thích, ấn tượng nhất.
- GV tổng kết và nhận xét:
 - Sản phẩm ấn tượng, chất lượng.
 - Nội dung giới thiệu đầy đủ, hấp dẫn.
 - Cách thức trưng bày sáng tạo, đẹp mắt, có tính thẩm tí.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Tuyên truyền, quảng bá nghề truyền thống

a. Mục tiêu: giúp HS được tham gia các hoạt động cụ thể giúp giữ gìn, phát huy nghề truyền thống dân tộc

b. Nội dung:

- Thiết kế tờ rơi quảng bá sản phẩm truyền thống
- Giới thiệu và quảng bá sản phẩm truyền thống.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Thiết kế tờ rơi quảng bá sản phẩm truyền thống**

- GV chia thành 8 nhóm và thảo luận thống nhất các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ thiết kế tờ rơi quảng bá sản phẩm nghề truyền thống mà các em chọn. Cụ thể:
 - + Lựa chọn sản phẩm truyền thống: tìm hiểu thông tin về sản phẩm đó.
 - + Chụp ảnh/ vẽ sản phẩm hoặc tìm kiếm ảnh sản phẩm trên internet.
 - + Viết lời bình cho sản phẩm, bao gồm:
 - Đặc điểm địa lí, điều kiện tự nhiên của làng nghề truyền thống làm ra sản phẩm.
 - Nguyên vật liệu thực hiện sản phẩm đó.
 - Các bước thực hiện để tạo ra sản phẩm đó.
 - Các biện pháp nhằm duy trì và phát triển làng nghề truyền thống.
- + Hình thức của tờ rơi, thiết kế tờ rơi.
 - Thuyết trình giới thiệu về làng nghề truyền thống.
 - Phỏng vấn, chia sẻ cùng nghề nhân làm nghề truyền thống.
 - Cuộc thi tìm hiểu, khám phá làng nghề truyền thống.
 - Trải nghiệm, chia sẻ cảm xúc về phát triển làng nghề truyền thống.
- GV cung cấp tiêu chí đánh giá tờ rơi để HS có thể dựa theo đó thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm:

- Tranh, ảnh đẹp, bố cục hợp lí, màu sắc hài hoà,
- Lời bình ngắn gọn, hấp dẫn.
- Nội dung sản phẩm chất lọc, chất lượng.

*** *Nhiệm vụ 3: Giới thiệu, quảng bá sản phẩm nghề truyền thống***

- Nhóm HS viết lời bình quảng bá sản phẩm quạt giấy theo hướng dẫn ở trên, HS có thể tham khảo mẫu sau:

- Làng gốm Bát Tràng nằm bên bờ tả ngạn sông Hồng với địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ.
- Nơi đây cung cấp nguyên liệu chính trong sản xuất gốm sứ là đất sét cao lanh, loại đất sét trắng bờ, chịu nhiệt độ cao, tạo kết cấu vững chắc.
- Thợ gốm sẽ thực hiện 5 bước cơ bản: thấu đất, chuốt gốm, trang trí, tráng men và nung đốt sản phẩm (tổng thời gian từ 10 – 15 ngày). Ngày nay có sử dụng lò ga hoặc than để nung sản phẩm được nặn từ đất.
- Nằm giữa tuyến đường thủy kết nối thành Thăng Long và phố Hiến, xưa kia là cửa ngõ thông thương với bên ngoài nên có nhiều điều kiện phát triển. Để gốm Bát Tràng ngày càng phát triển, ngày nay cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, tổ chức hoạt động phát triển du lịch nghề,...



- Các nhóm lựa chọn hình thức và nội dung của tờ rơi và hoàn thiện thiết kế.
- GV tổng kết và lựa chọn tờ rơi đẹp nhất, hay nhất và đặc sắc nhất.

Hoạt động 2: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua nhận biết và thực hiện giữ gìn, phát huy các nghề truyền thống, từ đó biết cách rèn luyện bản thân.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ theo nhóm;

- Bạn em có những phẩm chất, năng lực nào? Những phẩm chất, năng lực đó phù hợp với nghề nào?

- Em thích nhất thái độ nào của bạn trong công việc và các mối quan hệ?

- GV tổ chức thảo luận chung cả lớp: Em ấn tượng nhất với nhận xét của bạn nào dành cho mình? Vì sao? Cảm xúc của em thế nào khi được nhận xét như vậy?

- GV nhận xét ý nghĩa của hoạt động, nên nhấn mạnh với HS rằng hoạt động này sẽ giúp các em tự tin hơn, hoà đồng hơn.

Hoạt động 3: Khảo sát cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá được sự tiến bộ của bản thân và nhận được sự đánh giá của GV.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề
- Khảo sát sau chủ đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn sau khi trải nghiệm chủ đề 7
- GV yêu cầu HS lựa chọn mức độ phù hợp với những việc đã làm ở chủ đề này và đánh giá vào bảng sau:

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ		
		Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	chưa thực hiện
1	Em đã kể được một số nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm của nghề đó			
2	Em mô tả được hoạt động đặc trưng và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người lao động khi làm một số nghề truyền thống.			
3	Em xác định được mức độ phù hợp của đặc điểm bản thân với nghề truyền thống mà em yêu thích.			
4	Em chỉ ra được một số công cụ lao động và cách sử dụng chúng an toàn,			
5	Em đã tuyên truyền, quảng bá nghề truyền thống với bạn bè, người thân.			
6	Em làm được một số sản phẩm nghề truyền thống.			

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kỹ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện và đánh giá sự tiến bộ của bản thân.
- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 8, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 8 để HS thực hiện.
- GV rà soát những nội dung cần chuẩn bị cho chủ đề tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	



CHỦ ĐỀ 8: PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- + Nhận biết được những dấu hiệu của mưa bão, lũ lụt, sạt lở đất và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai đó,
- + Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người.
- + Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện những việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.
- + Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống con người,

+ Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.

+ Đánh giá được sự hợp lí/ chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động.

+ Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và mọi người trong hoạt động

+ Rút ra được kinh nghiệm khi học chủ đề này

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Yêu cầu HS đọc SGK và làm các bài tập trong SBT.
- Suu tầm tranh, ảnh, tình huống liên quan đến chủ đề. Năm cái áo phao.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- SGK, SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6.
- Thẻ màu xanh, đỏ.
- Thực hiện nhiệm vụ GV giao trước khi đến lớp.
- Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ có dấu hiệu của trời sắp mưa, bão.
- Thiết kế tờ rơi về phòng tránh thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú với chủ đề, nêu được sự cần thiết của việc phòng tránh thiên tai đối với bản thân, chỉ rõ được việc cần làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu đề ra.

b. Nội dung: GV cho HS xem phần đầu phim *Xã Thuận*

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem phần đầu phim *Xã Thuận* (bộ phim ngắn về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai do tổ chức Plan thực hiện với sự tham gia của trẻ em trong việc xây dựng kịch bản, quay phim, truyền thông, chia sẻ cho cộng đồng,...).
- GV cho HS quan sát tranh chủ đề, mô tả những hiện tượng tự nhiên trong tranh, thảo luận về ý nghĩa của câu dẫn ở trang 65 SGK và đọc phần định hướng nội dung ở trang 66 SGK.

- Hs nêu ý kiến cá nhân

- GV giới thiệu bài học: Thiên nhiên không chỉ mang lại cho con người sự sống trên Trái Đất mà còn gây ra cho con người không ít khó khăn như mum bão, lũ lụt, sạt lở đất, sóng thần, núi lửa,... Bên cạnh yếu tố tự nhiên thì hoạt động sống của con người cũng tác động không nhỏ đến khí hậu, dẫn đến gia tăng mức độ ảnh hưởng của thiên tai đối với con người.

Vậy chúng ta cần phải làm gì để có thể tự bảo vệ bản thân và giảm thiểu ảnh hưởng của thiên tai đến con người trước những biến đổi của khí hậu? Các em cùng khám phá trong **chủ đề 8: Phòng chống thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số thiên tai

a. Mục tiêu: giúp HS nhận diện được một số thiên tai và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống con người.

b. Nội dung:

- Hỏi – đáp nhanh về các loại thiên tai
- Chia sẻ ảnh hưởng thiên tai đến cuộc sống con người.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	I. Một số thiên tai - Lũ quét,

<p>- GV thực hiện hỏi đáp nha với cả lớp về các thiên tai thường xảy ra tại nơi mình sinh sống.</p> <p>- GV chia sẻ những thiên tai đó ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương như thế nào?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sạt lở đất - Lũ lụt - Hạn hán - Bão - Cháy rừng - Xâm nhập mặn - Động đất - Núi lửa phun trào - Nạn cát bay,...
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 2: Tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu: HS nhận biết một số nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu và hệ quả của nó đến cuộc sống con người.

b. Nội dung:

- Khảo sát nhận thức của HS về biến đổi khí hậu
- Nêu một số nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu
- Chia sẻ hậu quả của biến đổi khí hậu và tác động của BĐKH đến sức khỏe con người.

c. Sản phẩm: nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Khảo sát nhận thức của HS về biến đổi khí hậu</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức lớp thành hai đội thi. GV trình chiếu câu hỏi và các phương án lựa chọn lên bảng. HS của hai đội sẽ chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi. GV có thể giải thích khi HS đưa ra đáp án sai và tổng kết lại số câu trả lời đúng của mỗi đội. Đội nào trả lời đúng nhiều hơn, đội đó sẽ chiến thắng.</p> <p>Câu 1: Những thay đổi của khí hậu vượt ra khỏi trạng thái trung bình đã được duy trì trong nhiều năm gọi là gì?</p>	<p>II. Tác động của biến đổi khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu vượt ra khỏi trạng thái trung bình đã được duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là một vài thập kỉ hoặc dài hơn. - Nguyên nhân : Biến đổi khí hậu có thể là do các quá trình tự nhiên hoặc do hoạt động của con người. + Các yếu tố từ tự nhiên như: hoạt động của núi lửa, cháy rừng

<p>a) Nóng lên toàn cầu b) Hiệu ứng nhà kính c) <i>Biến đổi khí hậu</i> d) Thiên tai</p> <p>Câu 2: Biến đổi khí hậu sẽ làm mọi khu vực trên Trái Đất nóng lên?</p> <p>a) Đúng b) Sai</p> <p>Câu 3: Những hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của biến đổi khí hậu?</p> <p>a) Núi lửa phun trào b) <i>Băng tan</i> c) Nhiệt độ trung bình giảm xuống d) <i>Mực nước biển dâng lên</i></p> <p>Câu 4: Các hoạt động nào sau đây làm gia tăng hiệu ứng nhà kính?</p> <p>a) <i>Giao thông vận tải</i> b) <i>Chặt phá rừng</i> c) Tiết kiệm điện d) <i>Chăn nuôi gia súc</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Nêu một số nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS làm việc nhóm, thảo luận câu hỏi: <i>Những hoạt động nào của người dân ở địa phương em đã làm gia tăng biến đổi khí hậu?</i> - GV tổ chức cho HS thảo luận theo kỹ thuật phòng tranh để giải thích hoạt động đó có thể gây ra biến đổi khí hậu như thế nào?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>tự nhiên</p> <p>+ Hoạt động sống của con người đã can thiệp quá nhiều vào tự nhiên, phá vỡ sự cân bằng trong tự nhiên như khai thác và sử dụng tài nguyên quá mức, chặt phá rừng, sử dụng phân bón thuốc trừ sâu quá mức, khí thải từ các phương tiện giao thông,...</p> <p>- Tác động của BĐKH :</p> <p>+ Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng đến môi trường sống: băng tan, mực nước biển dâng, nắng nóng, hạn hán, bão, lũ lụt, giảm đa dạng sinh học, huỷ diệt hệ sinh thái, dịch bệnh, sạt lở, động đất, dịch bệnh,....</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 3: Chia sẻ hậu quả của biến đổi khí hậu và tác động của BĐKH đến sức khỏe con người.</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS trao đổi theo nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn về hậu quả của biến đổi khí hậu đến môi trường sống.</p> <p>- GV yêu cầu HS mở ý 2, 3, nhiệm vụ 2 trong SBT và trao đổi về các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Tự bảo vệ khi có bão

a. Mục tiêu: giúp HS nhận diện được dấu hiệu trời sắp có mưa, bão và tự bảo vệ bản thân trước, trong và sau khi mưa bão.

b. Nội dung:

- Nhận diện dấu hiệu trời sắp mưa, bão qua câu ca dao, tục ngữ

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nhận diện dấu hiệu trời sắp mưa, bão qua ca dao, tục ngữ**

- GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội sẽ cử đại diện đọc một câu ca dao, tục ngữ có dấu hiệu của trời sắp mưa, bão. Đội nào đọc được nhiều câu hơn sẽ thắng.

- HS các đội đọc các câu ca dao, tục ngữ:

“ Gió heo may chuồn chuồn bay thì bão.”

“ Bao giờ trời kéo vẩy tê

Sắp gồng sắp gánh ta về kéo mưa.”

“ Mây đặng Đông vừa trông vừa chạy

Mây đặng Nam vừa làm vừa chơi”

“Tháng bảy kiến đàn đại hàn hồng thủy”

- GV giải thích một số hiện tượng được mô tả trong câu ca dao, tục ngữ mà HS chưa hiểu rõ (nếu có).

- GV chốt lại một số dấu hiệu trời sắp mưa, bão:

- Bầu trời quang đặng, không khí oi bức, ngột ngạt, lặng gió kéo dài vài ngày.

- Xuất hiện mây vẩn vũ như nếp nhăn, tích tụ phía cuối chân trời. Trên lớp mây này thường có quầng mây xuất hiện, tây cứ thấp dần, dày, đen dần, bay nhanh và ngày càng nhiều.

- Chớp xa xuất hiện liên tục, đều đặn, hướng chớp sáng nhất là hướng đang có bão hoạt động. Đối với vùng ven biển nước ta, trước khi bão tới thường xuất hiện chớp ở hướng Đông - Nam.

*** Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các việc cần làm trước, trong và sau khi có bão**

- GV yêu cầu thảo luận theo nhóm 4 HS về các việc nên làm trước, trong và sau khi có bão.

- GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết.

- GV mời đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến của mình.

- GV nhận xét hoạt động và chốt lại các việc nên làm trước, trong và sau khi có bão để đảm bảo an toàn của bản thân và gia đình:

- Theo dõi tin bão trên truyền hình, đài báo

- Kiểm tra những chỗ hư hỏng của nhà mình để kịp thời sửa chữa

- Kiểm tra nguồn nước xem có bị hư hỏng không.

Hoạt động 2: Tự bảo vệ trước lũ lụt

a. Mục tiêu: tự bảo vệ trước, trong và sau khi lũ lụt

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nhận diện dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt và chia sẻ những việc cần làm trước khi lũ lụt**

- GV phỏng vấn nhanh một số HS về những dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt.

- GV mời một số em chia sẻ về những việc các em đã hoặc sẽ làm trước và trong khi xảy ra lũ lụt.

- GV nhắc nhở HS thường xuyên theo dõi thông tin mưa lũ trên đài truyền hình, báo, đài phát thanh để biết thông tin về mưa lũ, quan sát các dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt để thực hiện tự bảo vệ.

*** Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nhu yếu phẩm khi có nguy cơ lũ lụt**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm đôi về tình huống và câu hỏi ở ý 1, nhiệm vụ 3 SBT

Tình huống: Nếu khu vực em đang sinh sống có nguy cơ tua bão dài ngày, lũ lụt dâng cao, em sẽ chuẩn bị những vật dụng gì? Vì sao?

- *HS trả lời:* Những nhu yếu phẩm cần chuẩn bị khi có nguy cơ lũ lụt: nước sạch, thực phẩm khô/ thực phẩm đóng hộp, đèn pi/ đèn tích điện và pin dự phòng, thuốc và túi cứu thương, áo mưa, ủng lội nước, điện thoại, đồ dùng vệ sinh cá nhân (kem đánh răng, xà phòng,...), tiền mặt, quần áo,...

- GV đặt câu hỏi: *Em sẽ chọn mua lương thực, thực phẩm với số lượng như thế nào? Vì sao?*

A	B	C
<p>Mua thật nhiều đồ để dùng thoải mái cho cả tháng.</p>	<p>Mua đủ dùng cho vài ngày với mức sử dụng tiết kiệm.</p>	<p>Mua đủ cho vài ngày sử dụng thoải mái.</p>

- GV mời đại diện các nhóm chia sẻ.

*** Nhiệm vụ 3: Hành động khi xảy ra lũ lụt và sau lũ lụt**

GV phát phiếu cho HS và yêu cầu làm theo nhóm để chia sẻ về những hành động đã và sẽ làm khi xảy ra lũ lụt:

TT	Việc làm	Đã thực hiện	Không thực hiện
Trong khi lũ lụt			
1	Tìm sự hỗ trợ của người lớn.		
2	Tắt cầu dao điện và khoá van bình ga.		
3	Di chuyển đến khu vực, vị trí cao càng nhanh càng tốt.		
4	Tránh xa các bờ sông hoặc suối ở các vùng ngập lụt; không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên.		
5	Mặc áo phao nếu có hoặc sử dụng các đồ vật nổi khác (thùng nhựa, sấm xe, thân cây chuối,...).		
6	Vớt củi trên sông, suối khi có lũ.		
7	Không lội xuống nước gần dây điện hoặc cột điện.		
8	Lội qua suối khi có dòng nước chảy xiết.		
Sau khi lũ rút			
1	Tránh xa khu vực dòng nước khi nước lũ rút đi.		
2	Tắm rửa thật sạch khi bị ướt do nước lũ tràn vào.		
3	Khi đi tránh lũ trở về, cần nhờ người lớn kiểm tra xem cầu dao điện đã được ngắt chưa.		
4	Không ăn uống hoặc nấu nướng với thực phẩm hoặc		

nguyên liệu bị ngập nước mưa.		
-------------------------------	--	--

- GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ kết quả, nhóm khác bổ sung nếu có câu trả lời khác. GV tổng hợp và lấy ý kiến chung.
- GV dặn dò HS thường xuyên theo dõi thông tin mưa lũ trên đài truyền hình, báo, đài phát thanh để chuẩn bị nhu yếu phẩm; thực hiện tự bảo vệ trong và sau khi lũ lụt xảy ra theo hướng dẫn.

*** Nhiệm vụ 4: Thực hành mặc áo phao**

- GV giới thiệu mục đích của hoạt động thực hành mặc áo phao.
- GV hướng dẫn mặc áo phao đúng cách:
 - GV giơ áo phao và giải thích để HS nhận biết thế nào là một áo phao đủ tiêu chuẩn an toàn.
 - GV hướng dẫn cách mặc áo phao.
- GV phát cho mỗi nhóm 1 áo phao và thực hành mặc áo phao cho bạn.

Hoạt động 3: Tự bảo vệ khi sạt lở đất

a. Mục tiêu: nhận biết được các dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất và tự bảo vệ trước, trong và sau khi sạt lở.

b. Nội dung:

- Khảo sát nhận diện dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất
- Hành động trước, trong và sau khi sạt lở đất

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Khảo sát nhận diện dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất**

- Gv cho HS khảo sát dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất theo bảng dưới đây, HS sử dụng thẻ màu xanh – chọn Đúng, thẻ đỏ - chọn sai để đưa ra ý kiến của mình.

TT	Dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất	Đúng	Sai
1	Các rãnh thoát nước mưa trên các sườn dốc (đặc biệt là những nơi mà dòng nước chảy tụ lại) xuất hiện dấu vết sạt lở.		
2	Cây bị nghiêng hoặc di chuyển.		
3	Vỡ mạch nước ngầm hoặc nước đang tù trong chuyên sang đục.		
4	Vết nứt mới xuất hiện trên tường, trần, nền, bức tường, lê đường hoặc cầu thang không nguyên dạng. Xuất hiện các vết nứt mở rộng trên mặt đất hoặc trên lối đi.		
5	Mặt đất xuất hiện vết nứt, hiện tượng phồng rộp, đường bấp bênh. Nước phun ra từ mặt đất tại nhiều vị trí mới.		
6	Cây cối rung chuyển, âm thanh lạ trong lòng đất.		
7	Hàng rào, tường chắn, cột điện bị nghiêng hoặc di chuyển.		
8	Nghe thấy tiếng rôi của đất đá và âm lượng tăng dần, mặt đất bắt đầu dịch chuyển theo chiều dốc.		

- GV mời HS kể thêm các dấu hiệu sạt lở đất mà em biết.

*** Nhiệm vụ 2: Hành động trước, trong và sau khi sạt lở đất**

- GV cho HS làm việc theo cặp chia sẻ những hành động đã hoặc sẽ làm trước, trong và sau khi sạt lở đất:

TT	Việc làm	Đã (sẽ) thực hiện	Không thực hiện
Trước khi sạt lở đất			
1	Tìm hiểu khu vực gần nhà đã từng xảy ra sạt lở đất		
2	Quan sát đất quanh nơi ở để phát hiện dấu hiệu sạt lở đất		
3	Chuẩn bị thức ăn, nước, uông và đồ sơ cứu y tế, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây,...		
Trong khi sạt lở đất			
1	Sơ tán theo hướng dẫn của chính quyền địa phương.		
2	Di chuyển nhanh ra khỏi nơi sạt lở.		
3	Không đi lại gần cầu, công khi nước đang lên; không vớt củi, bơi lội ở sông suối khi có mưa lớn hoặc khi nước chuyển từ trong sang đục.		
Sau khi sạt lở			
1	Tránh xa khu vực sạt lở vì nền đất chưa ổn định.		
2	Không được vào bất kì ngôi nhà nào nếu chưa được người lớn kiểm tra.		

Hoạt động 4: Phòng chống dịch bệnh sau thiên tai

a. Mục tiêu: HS biết cách phòng chống dịch bệnh sau khi thiên tai xảy ra.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về các dịch bệnh xảy ra sau thiên tai và cách phòng chống dịch bệnh sau thiên tai**

- GV cho HS chia sẻ trong nhóm 4 những hiểu biết về các dịch bệnh thường xảy ra sau thiên tai.

- GV giới thiệu ngắn: *Biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến môi trường sống của con người. Không khí bị ô nhiễm. Nguồn nước sạch cũng trở nên khan hiếm. Nhiều nơi mưa ít nên hạn hán thường xuyên. Khí hậu vô cùng thất thường, những cơn cuồng phong, trận bão gây nên lũ lụt và thiệt hại nhiều về kinh tế. Dịch bệnh cũng thường xuất hiện sau những thiên tai ấy. Tất cả những sự biến đổi này ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe con người.*

- GV cho các nhóm thảo luận về cách phòng chống dịch bệnh sau thiên tai.

- GV bao quát các nhóm trong khi hoạt động.

- GV mời một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.

- GV nhận xét, bổ sung. Đây là một số biện pháp phòng chống dịch bệnh sau thiên tai:



* **Nhiệm vụ 2: Phòng chống dịch bệnh ở nước ta**

- GV cho HS chia sẻ về vấn đề: Từ cuối năm 2019 đến 2021, cả nhân loại đã phải trải qua đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid - 19. Hãy chia sẻ hiểu biết của em và kinh nghiệm mà gia đình em đã làm để phòng chống dịch.

Ví dụ: dịch viêm đường hô hấp cấp Covid — 19, tiêu chảy,...

- GV mời một HS ghi nhanh lên bảng câu trả lời của các bạn.

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dặn dò.

Hoạt động 5: Thực hiện những việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu

a. Mục tiêu: HS thực hiện những việc làm góp phần làm giảm thiểu biến đổi khí hậu

b. Nội dung:

- Thực hiện những việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu

c. Sản phẩm: các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức khảo sát nhanh những câu hỏi sau. HS chọn một phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Trong số những hoạt động sau, hoạt động nào không giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu?

- Giảm ùn tắc giao thông
- Sử dụng điều hoà nhiệt độ
- Tiết kiệm điện
- Đi xe đạp thay vì xe máy

Câu 2. Trong các loại bóng đèn sau, bóng đèn nào tiết kiệm năng lượng hiệu quả nhất?

- Bóng đèn sợi đốt

b) Bóng đèn huỳnh quang

c) Bóng đèn LED

d) Bóng đèn cao áp

Câu 3. Hoạt động nào giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu?

a) Để đèn sáng khi ra khỏi nhà, khỏi lớp

b) Chặt phá rừng

c) Mua nước uống đóng chai nhựa

d) Sử dụng phương tiện giao thông công cộng (đáp án)

- Yêu cầu HS mở SGK trang 73 và nhiệm vụ 7 trong SBT, chia sẻ theo nhóm về những việc mình đã làm tại gia đình, nhà trường và nơi công cộng để giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- GV khảo sát HS về những việc HS đã làm để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. GV hỏi lần lượt từng câu, HS giơ tay khi mình thực hiện. GV ghi lại số lượng HS trong lớp trả lời.

STT	Việc làm
1	Khóa vòi nước khi không sử dụng
2	Vứt rác đúng nơi quy định và phân loại rác thải
3	Đi bằng phương tiện công cộng hoặc đi bộ đến trường.
4	Khuyến bố mẹ, người thân sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng.
5	Mang theo túi vải khi đi siêu thị, đi chợ.
6	Sử dụng năng lượng mặt trời.
7	Mua nước uống đóng chai nhựa.
8	Sử dụng bóng đèn sợi đốt.
9	Tắt các thiết bị điện trước khi đi ngủ và trước khi ra khỏi nhà, khỏi lớp.
10	Tận dụng thức ăn thừa cho vật nuôi.
11	Tăng cường sử dụng thực phẩm của địa phương.
12	Sử dụng điều hoà nhiệt độ thường xuyên,
13	Khuyến bố mẹ, người thân không dùng nhiều phân bón hóa học
14	Trồng cây xanh
15	Hạn chế sử dụng nhựa, nilon

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè “ Phòng tránh thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu”

a. Mục tiêu: vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để làm tờ rơi và tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè và mọi người xung quanh về “ Phòng chống thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu”

b. Nội dung:

- Giới thiệu tờ rơi tuyên truyền

- Tuyên truyền, vận động mọi người xung quanh “ phòng chống thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu”

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia lớp thành các nhóm từ 5 - 6 HS, lần lượt từng HS trong nhóm tuyên truyền, vận động mọi người trong nhóm thực hiện các hành động tự bảo vệ trước thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- GV đưa ra một vài tiêu chí để HS vừa quan sát bạn vừa đưa ra ý kiến của mình về:

- Ngôn ngữ nói: mạch lạc, rõ ràng,...
- Tính thuyết phục và lan toả đến mọi người: mức độ tốt, khá, trung bình, yếu.

- GV mời một số bạn ở các nhóm tuyên truyền, vận động trước cả lớp.

- GV nhận xét, tổng kết .

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS biết được hướng hoàn thiện và rèn luyện thêm.

b. Nội dung:

- Nói những điều bạn đã làm được trong chủ đề này

- Nói về những điều bạn cần cố gắng trong chủ đề này

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

** Nhiệm vụ 1: Nói những điều bạn đã làm được trong chủ đề này*

- GV chia lớp thành các nhóm từ 4 - 6 HS, yêu cầu HS nhận xét về những điểm mình thấy bạn đã làm được trong chủ đề này, những việc bạn đã làm được để tự bảo vệ trước thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- GV tổ chức cho HS trong nhóm lần lượt nói những hành vi mà bạn đã thực hiện được trong chủ đề, đảm bảo mỗi HS đều nhận được ít nhất một ý kiến từ mỗi bạn trong nhóm.

** Nhiệm vụ 2: Nói về những điều bạn cần cố gắng trong chủ đề này*

- GV tổ chức cho HS trong nhóm cũ chia sẻ với bạn về điều, hành vi hay thái độ trong chủ đề này mà bạn cần thay đổi hoặc cố gắng.

- GV tổ chức cho HS lần lượt chia sẻ với nhau để đảm bảo mỗi bạn đều nhận được chia sẻ từ tất cả các bạn trong nhóm.

** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ trước lớp*

- GV mời một số HS chia sẻ về những điều bạn nhận xét về mình, về những điều mình đã làm được, chưa làm được và cảm nhận của mình.

- GV tôn trọng ý kiến và đánh giá của HS, nhận xét và khuyến khích HS nhìn nhận những điểm tích cực và tiến bộ ở bạn của mình,

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 2: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá về bản thân mình vừa nhận được sự đánh giá của GV. Từ đó, mỗi HS đều biết được hướng rèn luyện tiếp theo của mình.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS mở nhiệm vụ 9 trong SBT và chia sẻ với các bạn bên cạnh về những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề này.

- GV mời một số HS chia sẻ khó khăn, thuận lợi trước lớp.

- GV yêu cầu HS thực hiện ý 2, nhiệm vụ 9, trang 74 SGK. Sau khi xác định mức độ cho từng nội dung đánh giá thì chấm điểm như sau: thực hiện tốt: 3 điểm, thực hiện chưa tốt: 2 điểm và chưa thực hiện: 1 điểm.

- GV yêu cầu HS tính điểm tổng của mình và đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được (điểm càng cao thì việc thực hiện càng tốt).

- GV mời một số HS chia sẻ kết quả của mình trước lớp về các việc làm tự bảo vệ bản thân trước thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

V. HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kĩ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ những kĩ năng cần tiếp tục rèn luyện; hướng dẫn HS cách rèn luyện và đánh giá sự tiến bộ của bản thân.

- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 9, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.

- GV giao cho HS chuẩn bị các nhiệm vụ của chủ đề 9, HS thực hiện những nhiệm vụ GV yêu cầu.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

CHỦ ĐỀ 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội
- Thể hiện thái độ tôn trọng đối với lao động của nghề nghiệp khác nhau.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khoẻ nghề nghiệp.
- + Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động.
- + Đánh giá được sự hợp lí/ chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động.
- + Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hoạt động.
- + Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động.
- + Rút ra những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Giao các nhiệm vụ cần chuẩn bị cho HS.
- Sưu tầm tranh, ảnh, tình huống liên quan đến chủ đề.
- Giấy A0.
- Phiếu khảo sát.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- "Thẻ màu, bút màu.
- Làm sản phẩm giới thiệu về giá trị xã hội nghề của bố mẹ, người thân.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú với chủ đề, xác định những việc cần làm trong chủ đề đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: quan sát tranh chủ đề, mô tả những nghề trong tranh; thảo luận về ý nghĩa của câu dẫn và đọc phần định hướng nội dung của chủ đề.
- HS đọc các nội dung cần thực hiện của chủ đề ở trang 76 SGK. GV có thể giải thích thêm để HS hiểu rõ hơn những việc cần làm trong chủ đề (nếu cần).
- *GV giới thiệu vào bài:* Xã hội có rất nhiều nghề. Tất cả các nghề nghiệp chân chính đều có vị trí trong xã hội và đem lại những giá trị nhất định cho cuộc sống. Do vậy, chúng ta cần có thái độ và hành vi ứng xử tôn trọng đối với người lao động ở các ngành nghề khác nhau. Xã hội luôn ghi nhận những người lao động làm việc nghiêm túc, say mê, tuân thủ

đạo đức và kỉ luật lao động. Để biết được ý nghĩa và công việc cụ thể của từng nghề, chúng ta cùng tìm hiểu **chủ đề 9: Tôn trọng người lao động.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Kể tên một số nghề

a. Mục tiêu: giúp HS kể tên được những nghề đã góp phần làm nên ngôi nhà của gia đình và mô tả được về một số nghề đó.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu những nghề quanh em
- Tìm hiểu các nghề đã góp phần làm nên ngôi nhà của em

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức trò chơi <i>Em biết được bao nhiêu nghề</i>. GV chia lớp thành hai đội thi. Các thành viên trong đội nối tiếp nhau lên bảng ghi tên nghề mà mình biết. Cả lớp cùng đếm số lượng nghề của mỗi đội. Trong thời gian 3 phút, đội nào viết được nhiều tên nghề hơn thì đội đó chiến thắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm để thực hiện yêu cầu của nhiệm vụ 1 + Kể những nghề góp phần làm nên ngôi nhà của em. + Lựa chọn 1 - 2 nghề mà em biết để mô tả công việc cụ thể của những nghề đó. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. 	<p>I. Kể tên một số nghề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong xã hội có rất nhiều nghề khác nhau, mỗi nghề đều có vị trí riêng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội. + Nghề thợ mộc + Nghề giáo viên + Nghề bác sĩ + Nghề thợ xây + Nghề công nhân + Nghề may + Nghề lái xe + Nghề nhà báo,... - Mô tả các nghề nghiệp mà em biết <p>VD :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thợ mộc là những người sử dụng các dụng cụ chuyên nghiệp để tác động lên gỗ và tạo nên các vật dụng được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày như: giường, tủ, bàn, ghế,... • Kiến trúc sư là người chịu trách nhiệm cho việc lên kế hoạch, thiết kế, giám sát dự án kiến trúc cho công trình từ lúc bắt đầu khởi công đến khi dự án hoàn thành để đảm bảo công trình xây dựng đó được hoàn thiện theo đúng như bản thiết kế, đạt được đúng kĩ thuật và

thâm mĩ đã đặt ra.

Hoạt động 2: Khám phá giá trị của nghề

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được sự cần thiết của các nghề với việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình, từ đó chỉ ra giá trị của các nghề đó đối với cuộc sống con người.

b. Nội dung:

- Tìm thợ sửa chữa để giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình
- Chỉ ra giá trị của nghề đó đối với gia đình em
- Chỉ ra giá trị của một số nghề nghiệp với gia đình em và xã hội

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Tìm thợ sửa chữa để giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 2, trang 77 SGK, sau đó tổ chức trò chơi Tôi là thợ sửa chữa. <p>Cách chơi như sau: GV chia lớp chia thành 2 đội. Đội 1 sắm vai đồ dùng bị hỏng. Đội 2 đóng vai thợ sửa chữa. Đội 1 lần lượt nêu các vấn đề cần sửa chữa. Mỗi lần đội 1 nêu thì đội 2 nhanh chóng nêu tên thợ sửa chữa được vấn đề đó.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. <p>* Nhiệm vụ 2: Chỉ ra giá trị của các nghề đối với gia đình em</p>	<p>II. Giá trị của nghề 1. Tìm thợ sửa chữa để giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tivi bị hỏng => tìm thợ điện tử - Đường dây điện bị hỏng => tìm thợ điện - Tường rào bị đổ => tìm thợ xây - Xe đạp bị hỏng => thợ sửa chữa xe đạp - Đồ gỗ trong nhà bị mọt => tìm thợ mộc - Vỡ đường ống nước => tìm thợ sửa ống nước - Song sắt cửa sổ bị rỉ => tìm thợ sơn - Tường bị bẩn và cũ => tìm thợ sơn - Máy tính bị sự cố => tìm thợ sửa máy tính.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 6 nhóm, tổ chức cho HS chia sẻ với bạn cùng nhóm về hai sự cố phát sinh trong nhà và kết quả sửa chữa.

- GV có thể đưa một số sự cố xảy ra cho HS giải quyết:

- Sự cố gì đã phát sinh trong nhà em?
- Người thợ nào đã sửa chữa, khắc phục các sự cố đó?
- Kết quả sửa chữa như thế nào?
- Cảm xúc của em khi sự cố được giải quyết.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 3: Chỉ ra giá trị của một số nghề nghiệp đối với gia đình em và xã hội****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm với nhiệm vụ sau: Mỗi HS chọn 1 nghề đã mô tả ở nhiệm vụ 1, 2, trang 77 SGK hoặc nghề khác và chỉ ra giá trị của nghề đó với gia đình em và với xã hội, Mỗi HS lần lượt chia sẻ cùng các bạn trong nhóm.

- GV gợi ý một số nội dung khi nêu giá trị của các nghề trong xã hội:

- Xác định công cụ, phương tiện của mỗi nghề;
- Những sản phẩm, tiện ích nghề đó tạo ra cho xã hội;

<ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm, tiện ích đó được sử dụng như thế nào trong cuộc sống hằng ngày của gia đình em, của mọi người; • Chỉ ra giá trị của nghề đó với xã hội. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Khám phá một số yếu tố ở người lao động tạo nên giá trị của nghề

a. Mục tiêu: chỉ ra những yếu tố về phẩm chất, kỉ luật lao động và tính chuyên nghiệp của người lao động tạo nên giá trị của nghề.

b. Nội dung:

- Chia sẻ về biểu hiện của những yếu tố ở người lao động tạo nên giá trị của nghề
- Chia sẻ về những việc làm cụ thể trong học tập và lao động để rèn luyện yếu tố tạo nên giá trị của nghề.
- Đóng vai thực hành chia sẻ yếu tố tạo nên giá trị của nghề.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về biểu hiện của những yếu tố ở người lao động tạo nên giá trị của nghề**

- GV giới thiệu: *Tính chuyên nghiệp trong công việc là yếu tố quan trọng của người lao động góp phần tạo nên giá trị của nghề. Chuyên nghiệp là người có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kĩ năng để hoàn tất cả mọi công việc chất lượng đúng quy chuẩn và kịp thời. Mỗi vị trí công việc cần phải được xác định rõ từng nhiệm vụ và mỗi cá nhân phải hiểu rất rõ về công việc của mình, đồng thời có khả năng thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất.*

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm.

- GV hướng dẫn HS đọc cá nhân và suy ngẫm về ý 1, nhiệm vụ 3 ở trang 78 SGK và ý 1, nhiệm vụ 3 trong SBT, lần lượt từng bạn trong nhóm mô tả một biểu hiện của người lao động khi thực hiện công việc đã góp phần tạo nên giá trị của nghề.

Quan sát những cô chú sửa sang lại nhà cửa và một số đồ dùng, P. nhận ra một số biểu hiện của người lao động tạo nên giá trị nghề nghiệp được thể hiện như sau:

1 Đúng thời gian
Các cô, chú đi làm đúng thời gian quy định, đôi khi còn ở lại muộn hơn để làm xong các công việc của ngày hôm đó.

2 Kiên trì
Để tìm ra chỗ dây điện bị hỏng, các cô chú đã phải thử đi, thử lại, kiểm tra đi, kiểm tra lại khá lâu mà không nản lòng.

3 Gọn gàng
Cô thợ sơn lán sơn tường rất đẹp và sạch sẽ, gọn gàng nên nhà P. không phải dọn dẹp nhiều.

4 Cẩn thận
Chú thợ điện lúc nào cũng kiểm tra xem thang kẻ đã chắc chắn chưa, đã ngắt cầu dao điện chưa,... trước khi trèo lên chữa điện. Nhiều lúc, chú còn nhắc P. đứng ra chỗ khác để đảm bảo an toàn.

5 Tận tâm
Các cô, chú sửa đường ống cấp thoát nước không quản ngại khi làm việc, quần áo và mặt mũi lấm lem, mồ hôi ướt sũng áo nhưng miệng vẫn tươi cười.

6 Trung thực
Bố mẹ P. bận đi làm, không có người giám sát công việc nhưng tất cả đều đầu vào đấy. Bố mẹ P. nói các cô, chú ấy là những người thợ rất có trách nhiệm và trung thực.

- HS các nhóm trình bày ý kiến:

- Biểu hiện của yếu tố Đúng thời gian: đi làm đúng giờ, không đi muộn, về sớm.
- Biểu hiện của yếu tố gọn gàng: Mọi thứ (đồ dùng, phương tiện, vật liệu,...) được sắp xếp một cách khoa học và có thứ tự, ngăn nắp, làm đâu gọn đó.
- Biểu hiện của yếu tố cẩn thận: Làm việc chu đáo, ít xảy ra sai sót, ít mắc lỗi, luôn để tâm đến công việc và đảm bảo công việc được tiến hành chính xác nhất, đảm bảo an toàn.
- Biểu hiện của yếu tố tận tâm: Cố gắng hết sức, làm hết trách nhiệm và hết khả năng của bản thân để đạt được kết quả tốt đẹp, cam kết đạt được mục tiêu đến cùng bất chấp mọi gian khổ.
- Biểu hiện của yếu tố trung thực: Luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng lẽ phải, sống ngay thẳng, thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm, luôn tuân thủ chuẩn mực đạo đức, chân thật trong từng lời nói và hành động.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về những việc làm cụ thể trong học tập và lao động để rèn luyện yếu tố tạo nên giá trị của nghề.**

- GV cho các nhóm thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn, ghi lên giấy A0 những việc mà các thành viên trong nhóm đã làm theo 6 từ khoá (không ghi lặp lại những việc làm trùng nhau), sau đó dán sản phẩm của mình lên bảng. Ví dụ: Việc làm rèn luyện tính đúng giờ: tuân thủ thời gian biểu; luôn đến lớp trước giờ vào học ít nhất 10 phút,...

- GV mời các nhóm nhận xét về việc làm trong học tập và lao động để rèn luyện phẩm chất, giá trị của người lao động mà nhóm khác đề xuất.

- GV nhận xét chung và khuyến khích HS thường xuyên thực hiện các việc làm để rèn luyện những yếu tố tạo nên giá trị nghề của người lao động.

*** Nhiệm vụ 3: Đóng vai thực hành chia sẻ yếu tố tạo nên giá trị của nghề.**

- GV tổ chức cho HS đóng vai 4HS/ nhóm để giải quyết tình huống sau:

Tình huống: Kỳ nghỉ hè vừa rồi, đội xây dựng của công ty A đã tham gia xây dựng một số hạng mục của nhà trường, ngôi trường trông khang trang và đẹp hơn. Do thời gian gấp rút nên các cô chú công nhân đã phải làm việc ngày đêm để đảm bảo tiến độ thi công. Sân trường đã được láng xi măng rất phẳng và đẹp, hai bên trồng thêm nhiều cây xanh. Em hãy chia sẻ về trách nhiệm nghề nghiệp mà các cô chú công nhân đã thể hiện trong việc xây dựng trường. Giả sử em là một công nhân xây dựng, em sẽ chia sẻ điều gì?

- HS các nhóm đóng vai và giải quyết tình huống.

- Các nhóm trình bày hướng giải quyết của mình

- GV nhận xét và đưa ra cách giải quyết phù hợp nhất.

Hoạt động 2: Thể hiện thái độ tôn trọng người lao động

a. Mục tiêu: thể hiện được thái độ tôn trọng đối với người lao động qua những lời nói và hành động.

b. Nội dung:

- Cách thể hiện thái độ tôn trọng đối với người lao động

- Chia sẻ những việc từng làm thể hiện thái độ tôn trọng đối với người lao động

- Thực hành những lời nói, việc làm thể hiện thái độ tôn trọng của người lao động

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Cách thể hiện thái độ tôn trọng đối với người lao động**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 4, trang 79 SGK và trả lời nhanh:

• D và H có mấy cách thể hiện sự tôn trọng với người lao động?

• Đó là những cách nào?

- HS trả lời nhanh.

- GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 HS. Phát cho mỗi nhóm 1 phiếu khảo sát về mức độ thể hiện sự tôn trọng người lao động.

- GV yêu cầu: Với mỗi ý khảo sát chỉ chọn một trong ba mức độ thực hiện phù hợp nhất với em: thường xuyên, thỉnh thoảng hoặc không bao giờ. Thực hiện khảo sát ở tất cả các ý, không bỏ qua ý nào.

TT	Cách thể hiện thái độ tôn trọng	Những việc làm cụ thể trong cuộc sống	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Hiểu biết về giá trị của nghề và người làm nên giá trị ấy	Chia sẻ để mọi người hiểu được trong xã hội có nhiều nghề khác nhau và tất cả các nghề đều quan trọng			
2	Cởi mở, chan hoà với người lao động ở mọi ngành nghề.	Luôn tươi cười, vui vẻ chào hỏi mọi người làm các nghề khác nhau tại			

		trường, khu dân cư.			
		Nói lời động viên tinh thần, hỏi thăm chân thành với người lao động trong những tình huống phù hợp.			
3	Sẵn sàng hỗ trợ, làm cùng với người lao động khi cần thiết.	Không ngần ngại tham gia làm việc cùng bố mẹ dù đó là nghề gì (bán rau, đẩy xe chở hàng,...).			
		Sẵn lòng giúp cô lao công đẩy xe rác nặng hay bê đồ cùng chú thợ xây.			
4	Trân trọng sản phẩm lao động.	Không lãng phí đồ ăn, thức uống (công sức lao động của bố mẹ)			
		Giữ gìn đường làng, ngõ phố sạch sẽ (sản phẩm của các cô chú vệ sinh môi trường).			
5	Ghi nhận, ca ngợi những đóng góp của lao động nghề nghiệp	Sáng tạo nghệ thuật ca ngợi nghề nghiệp: bài văn, thơ, tranh, truyện,...			
		Tuyên truyền những đóng góp xã hội của các tấm gương sáng trong mọi nghề nghiệp.			

- GV hướng dẫn HS đưa ra một số nhận xét từ số liệu khảo sát.

Ví dụ:

- Những bạn nào có từ 7 hành động thường xuyên làm để thể hiện sự tôn trọng với người lao động?
- Những bạn nào có từ 4 - 7 hành động thường xuyên làm để thể hiện sự tôn trọng với người lao động?
- Những bạn nào có dưới 4 hành động thường xuyên làm để thể hiện sự tôn trọng với người lao động?

- GV nhận xét hoạt động.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ những việc từng làm thể hiện thái độ tôn trọng đối với người lao động**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi: Với mỗi cách thể hiện thái độ tôn trọng người lao động, HS đưa ra 2 hành động cụ thể.

- GV mời một số nhóm chia sẻ trước lớp về cách thể hiện thái độ tôn trọng người lao động của các thành viên trong nhóm.

- HS trình bày những việc làm thể hiện thái độ tôn trọng người lao động:

- Hiểu biết về giá trị của các nghề: Dành thời gian đọc sách báo tìm hiểu về nghề.
- Cởi mở, chan hoà với người lao động ở mọi ngành nghề: Mời nước khi có người thợ sửa chữa đến gia đình mình khắc phục sự cố.
- Sẵn sàng hỗ trợ, làm cùng với người lao động khi cần thiết: Giúp đỡ những người thợ sửa chữa khi họ đến nhà mình khắc phục sự cố.
- Trân trọng sản phẩm lao động: Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả sản phẩm của người lao động. Vận động mọi người sử dụng sản phẩm của người lao động. Quảng bá các sản phẩm của người lao động tới mọi người xung quanh.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành những lời nói, việc làm thể hiện thái độ tôn trọng của người lao động**

- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 về hai tình huống sau:

- **Tình huống 1:** Cô C. là nhân viên vệ sinh của nhà trường. cô là một người rất chăm chỉ, làm việc cẩn thận, sạch sẽ. Một hôm, cô đang dọn nhà vệ sinh của trường, bạn N. đi ngang qua nhìn thấy và nói với A.: “Cô C. làm công việc này bẩn quá, người lúc nào cũng hôi, tớ phải tránh xa ra chứ không thể chịu nổi”

Em có đồng ý với bạn N. không? Nếu là A. em sẽ xử lí như thế nào?

- **Tình huống 2:** Trường em có bác bảo vệ rất vui tính, làm việc có trách nhiệm. Vào giờ ra chơi, bạn T. thường ra cổng nói chuyện với bác bảo vệ và cùng bác làm một số việc như: đánh trống báo giờ, ghi chép những người ra vào trường,... Em hãy nhận xét cách ứng xử của bạn T. với bác bảo vệ.

Em sẽ giúp đỡ, chia sẻ cùng bác bảo vệ những việc gì?

- GV quan sát các nhóm thảo luận và hỗ trợ khi cần thiết,

- GV mời một vài nhóm đại diện đưa ra cách giải quyết tình huống và mời các nhóm khác nhận xét.

Hoạt động 3: Trân quý nghề của bố mẹ

a. Mục tiêu: giúp HS chỉ ra được giá trị mà nghề/ công việc của bố mẹ, người thân đem lại cho xã hội và thể hiện sự trân quý với nghề của bố mẹ, người thân.

b. Nội dung:

- Xử lí tình huống thực tế
- Thể hiện sự trân quý nghề nghiệp của bố mẹ
- Giới thiệu về nghề của bố mẹ, người thân và chia sẻ giá trị về nghề đó.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: xử tình huống**

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ 5, trang 80 SGK:

Bố của T. lái xe công nghệ. Mỗi buổi snags bố thường chở T. đến trường. Một số bạn tống lớp xì xào về công việc của bố T. Mặc dù vậy, T. vẫn luôn tự hào về công việc của bố. Nhờ công việc ấy mà bố có thể lo toan cuộc sống cho gia đình. Hơn nữa, với sự tận tụy của bố mọi người có thể đến nơi mình cần đúng giờ và an toàn.

Vì sao T. tự hào về công việc của bố?

Nếu em là T. sẽ ứng xử như thế nào với nhóm bạn xì xào về việc của bố mình?

- GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm thảo luận.

- GV mời một số nhóm đưa ra cách xử lí tình huống:

- Vì công việc của bố T nhờ công việc ấy mà bố có thể lo toan cuộc sống cho gia đình. Hơn nữa, với sự tận tụy của bố mọi người có thể đến nơi mình cần đúng giờ và an toàn.

- Nếu em là T. em sẽ nói với nhóm bạn về giá trị nghề nghiệp của bố và khuyên các bạn phải biết tôn trọng nghề nghiệp của mọi người.

- GV nhận xét hoạt động của HS.

*** Nhiệm vụ 2: Thể hiện sự trân quý nghề của bố mẹ, người thân**

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp về những việc làm thể hiện sự trân quý nghề của bố mẹ, người thân.

- GV nhận xét và khen ngợi, khích lệ các việc làm tốt của HS.

*** Nhiệm vụ 3: Giới thiệu về nghề của bố mẹ, người thân và giá trị xã hội của nghề đó**

GV cho HS làm một sản phẩm yêu thích để giới thiệu về giá trị xã hội nghề của bố mẹ, người thân theo gợi ý sau:

- Suy nghĩ, lựa chọn loại sản phẩm: tranh vẽ, thơ, video clip, truyện tranh...

- Xây dựng nội dung cho sản phẩm: giới thiệu những giá trị nghề đó đem lại cho xã hội;

- Thực hiện làm sản phẩm.

- Giới thiệu sản phẩm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Tuyên truyền, vận động mọi người tôn trọng người lao động)

a. Mục tiêu: giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được trong chủ đề để tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè, mọi người xung quanh”Tôn trọng người lao động”

b. Nội dung:

- Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền về giá trị xã hội nghề của bố mẹ, người thân

- Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè và mọi người xung quanh “Tôn trọng người lao động”

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền về giá trị xã hội nghề của bố mẹ, người thân**

- GV chia lớp thành 4 - 5 nhóm phù hợp với không gian để trưng bày và giới thiệu sản phẩm của HS.

- GV tổ chức cho HS giới thiệu sản phẩm theo nhóm, lần lượt từng thành viên trong nhóm giới thiệu sản phẩm của mình.

- GV mời một số HS trong các nhóm giới thiệu sản phẩm trước lớp.

*** Nhiệm vụ 2: Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè và mọi người xung quanh “Tôn trọng người lao động”**

- GV chia lớp thành các nhóm 6 HS / nhóm, lần lượt từng HS tuyên truyền, vận động mọi người trong nhóm thực hiện các hành động để thể hiện sự tôn trọng người lao động.
- GV đưa ra một vài tiêu chí để HS vừa quan sát bạn vừa đưa ra ý kiến của mình về:
 - Ngôn ngữ nói: mạch lạc, rõ ràng.
 - Tính thuyết phục và lan tỏa đến mọi người: mức độ tốt, khá, trung bình, yếu.
- GV mời một số bạn ở các nhóm tuyên truyền, vận động trước cả lớp.
- GV nhận xét, tổng kết và khuyến khích HS tuyên truyền, vận động mọi người xung quanh thường xuyên thực hiện những việc làm thể hiện thái độ tôn trọng người lao động.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại bản thân, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó biết hướng rèn luyện.

b. Nội dung:

- Nói những điều bạn đã làm được, những điều bạn cần cố gắng trong chủ đề này
- Chia sẻ trước lớp

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia lớp thành các nhóm 6 HS, yêu cầu HS nhận xét về những điểm mình thấy bạn đã làm được trong chủ đề này.
- GV mời một số bạn chia sẻ trước lớp về những điều bạn nhận xét về mình, về những điều mình đã làm được, chưa làm được và cảm nhận của mình.

Hoạt động 2: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: tự đánh giá được bản thân mình, vừa nhận được sự đánh giá của giáo viên.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi trải nghiệm chủ đề
- Khảo sát

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ với các bạn bên cạnh về những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề này.
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 6, trang 80 SGK, với mỗi nội dung đánh giá, chọn một mức độ phù hợp với mình, sau đó chấm điểm theo thang điểm: *rất đúng được 3 điểm, đúng được 2 điểm và chưa đúng được 1 điểm,*

- GV yêu cầu HS tính tổng điểm và đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được.

(Điểm càng cao chứng tỏ em càng có khả năng nhận biết giá trị của nghề đó và biết thể hiện sự tôn trọng với người lao động.)

V. HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kĩ năng đã học từ chủ đề

- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện và cách tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân,

- GV yêu cầu HS mở SGK trang 81, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện ở nội dung Tạm biệt lớp 6.

- GV giao nhiệm vụ ở nội dung Tạm biệt lớp 6 để HS thực hiện vào vở những bài tập GV yêu cầu; đặc biệt dự kiến kế hoạch hoạt động hè.

- GV yêu cầu HS hồi tưởng lại cả chặng đường lớp 6, mình đã trưởng thành như thế nào so với ngày đầu mới đến trường.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....